TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 16 /TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN c=VN l=Quận 1
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-04-27 16:55+07:00

TỜ TRÌNH

V/v thay đổi ngành, nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Tờ trình số 07/TTr-TGĐ-SSC ngày 06/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh Công ty;

Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu phát triển của Công ty,

Để phù hợp với hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam theo quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam và tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo hướng điều chỉnh chi tiết một số ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký phù hợp với hệ thống ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg và bổ sung một số ngành nghề mới theo nhu cầu kinh doanh của Công ty.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn theo danh mục ngành nghề mới như phụ lục đính kèm tờ trình.
2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 2 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty quy định ngành, nghề kinh doanh theo danh mục ngành, nghề kinh doanh sau khi thay đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, hồ sơ đại hội

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300424088 - C.T.C.P - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

TRẦN THIỆN

PHỤ LỤC 1. NỘI DUNG THAY ĐỔI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp.	3312
2	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện	3314
3	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị khác	3319
4	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
6	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. (không hoạt động ở trụ sở)	4631
7	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
8	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
9	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép.	4641
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
12	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
13	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

2. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
	Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng container và thiết bị nâng hạ container tại kho bãi (không hoạt động tại trụ sở)	
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vecsni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển; - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229 (Ngành nghề chính)
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	5210 (Ngành nghề chính)
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản khác.	6810

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
8	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
10	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.	4912
11	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nạo vét đường thủy, đường biển	4299
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	4669
14	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở)	0730

3. Danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh sau khi thay đổi

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng container và thiết bị nâng hạ container tại kho bãi (không hoạt động tại trụ sở)	3311
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vecsni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	3290
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển; - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229 (Ngành nghề chính)
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	5210 (Ngành nghề chính)

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản khác.	6810
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
11	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.	4912
12	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nạo vét đường thủy, đường biển	4299
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	4669

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
15	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở)	0730
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp.	3312
17	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện	3314
18	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị khác	3319
19	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
21	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. (không hoạt động ở trụ sở)	4631
22	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
23	Bán buôn đồ uống	4633

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	
24	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép.	4641
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
27	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
28	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 17 /TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Tờ trình số 10/TTr-TGĐ-SSC ngày 06/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành bắt đầu có hiệu lực thi hành, một số quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty ("Điều lệ Công ty") đã không còn phù hợp với quy định mới. Vì vậy, Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, đối chiếu và đề xuất sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty để phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung sau:

1. Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 *(theo dự thảo đính kèm tờ trình)*. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Điều lệ được ban hành trước đây.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, hồ sơ đại hội

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300424088 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN * QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TRẦN THIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TPHCM
Điện thoại: (028) 3829 6316 – 3829 6320; Fax: (028) 3822 5067
Email: saigonship@saigonshipvn.com
Website: www.saigonship.com.vn

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua sửa đổi, bổ sung lần 6)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 7

Điều 1: Tên, Hình thức, Trụ sở, Đơn vị trực thuộc của Công ty 7

Điều 2: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 8

Điều 3: Thời hạn hoạt động 11

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty 11

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật 12

Điều 6: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị – xã hội tại Công ty 12

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 12

Điều 7: Quyền của Công ty 12

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty 12

CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU 13

MỤC 1: VỐN 13

Điều 9: Vốn Điều lệ 13

Điều 10: Các loại vốn khác 13

MỤC 2: CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU 14

Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần – Cổ phiếu 14

Điều 12: Chào bán cổ phần 15

Điều 13: Chuyển nhượng Cổ phần 15

Điều 14: Thừa kế cổ phần 15

Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 16

Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 16

Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 17

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ 17

Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý 17

Điều 19: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý 17

CHƯƠNG V: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18

MỤC I: CỔ ĐÔNG 18

Điều 20: Quy định chung về cổ đông 18

Điều 21: Quyền của cổ đông phổ thông 19
Điều 22: Nghĩa vụ của các cổ đông 21
MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 22
Điều 23: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 24: Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 25: Đại hội đồng cổ đông bất thường 23
Điều 26: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo và điều kiện tiến hành họp 24
Điều 27: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 28: Chi phí tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 29: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 30: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 31: Thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 27
Điều 32: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 28
CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 28
MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 28
Điều 33: Quy định chung về Hội đồng quản trị 28
Điều 34: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 29
Điều 35: Chủ tịch, Phó chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 29
Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị 31
Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 39: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 40: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT 33
Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị 34
MỤC II: BAN KIỂM SOÁT 34
Điều 42: Quy định chung về Ban kiểm soát 34
Điều 43: Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên 35
Điều 44: Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm Ban kiểm soát 35
Điều 45: Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát 36
Điều 46: Nghĩa vụ của Kiểm soát viên 37
MỤC III: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN 38
Điều 47: Bổ nhiệm và nhiệm kỳ Tổng Giám đốc 38
Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc 38

Điều 49: Miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc 39
Điều 50: Các hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 39
MỤC IV: QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC .. 40
Điều 51: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.... 40
MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ 41
Điều 52: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ 41
CHƯƠNG VII: CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 41
MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 41
Điều 53: Tài khoản ngân hàng 41
Điều 54: Năm tài chính 41
Điều 55: Hệ thống kế toán 41
Điều 56: Trình báo cáo hằng năm 42
Điều 57: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 42
Điều 58: Kiểm toán 42
Điều 59: Con dấu 42
MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 43
Điều 60: Trích lập quỹ 43
Điều 61: Cổ tức 43
Điều 62: Hình thức chi trả cổ tức 43
CHƯƠNG VIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 43
Điều 63: Giải quyết tranh chấp nội bộ 43
Điều 64: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 44
CHƯƠNG IX: TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN 44
Điều 65: Chấm dứt hoạt động 44
Điều 66: Thanh lý 44
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC 45
Điều 67: Kế thừa và các quy định khác 45
Điều 68: Hiệu lực, đăng ký Điều lệ 45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của **Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn** (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các Quyết định khác của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua và chấp thuận toàn văn theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 04 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Điều lệ), gồm: 10 chương, 68 điều.

Điều lệ này thay thế: Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 22 tháng 12 năm 2005; Điều lệ thay thế Điều lệ đầu tiên được thông qua các cổ đông tại Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 01 năm 2007 (sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 14 tháng 4 năm 2010 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2010; sửa đổi bổ sung lần 2 ngày 20 tháng 4 năm 2011 tại ĐHĐCĐ thường niên 2011; sửa đổi bổ sung lần 3 ngày 25 tháng 4 năm 2017 tại ĐHĐCĐ thường niên 2017; sửa đổi bổ sung lần 4 ngày 24 tháng 10 năm 2017; sửa đổi bổ sung lần 5 ngày 23 tháng 04 năm 2019).

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như giải thích dưới đây:

a. *"Luật doanh nghiệp"* có nghĩa là Luật **Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020**.

b. *"Luật chứng khoán"* có nghĩa là Luật chứng khoán **số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019**.

c. *"Pháp luật"* là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành từng thời điểm.

d. *"Người quản lý Công ty"* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

e. *"Ban Tổng Giám đốc"* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Công ty.

f. *"Người điều hành công ty"* là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý.

g. *"Thành viên quản trị không điều hành"* (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý khác.

h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại **Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán**.

i. *"Cán bộ quản lý"* bao gồm Trưởng, Phó các phòng, ban, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm của Công ty và người đại diện phần vốn tại các đơn vị mà công ty có vốn góp.

j. *"Các đơn vị trực thuộc"* bao gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ, kinh doanh, chi nhánh, trung tâm, các văn phòng đại diện và các đơn vị khác của Công ty theo nhu cầu sản xuất.

k. *"Cổ tức"* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

l. *"Cổ đông"* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

m. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông sở hữu **từ 5%** trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

n. *"Cổ phần"* là phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành Vốn điều lệ của Công ty.

o. *"Trái phiếu"* là chứng chỉ nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới các hình thức phù hợp với quy định của Pháp luật.

p. *"Lợi nhuận"* là phần thu còn lại của Công ty sau khi trừ các khoản thuế, phí và các khoản chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

q. *"Vốn điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi vào Điều lệ Công ty.

r. *"Tài sản góp vốn"* có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Tài sản góp vốn được định giá theo các nguyên tắc quy định tại **Điều 36** Luật Doanh nghiệp.

2. *"ĐHĐCĐ"* là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.

3. *"HĐQT"* là viết tắt của Hội đồng quản trị.

4. *"BKS"* là viết tắt của Ban Kiểm soát.

5. *"Việt Nam"* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

6. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kì điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

7. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

8. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Tên, Hình thức, Trụ sở, Đơn vị trực thuộc của Công ty

1. Tên pháp nhân của Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Anh là:

SAIGON SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: ***SSC***

Biểu tượng (logo):

2. Hình thức sở hữu và tư cách pháp nhân:

a. Công ty là Công ty cổ phần được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản bằng toàn bộ tài sản do Công ty sở hữu.

b. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c. Công ty thuộc sở hữu của các cổ đông, trong đó:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Trụ sở đăng ký:

- Địa chỉ : 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.28) 3829 6316 – 3829 6320 – 3823 1747
- Fax : (84.28) 3822 5067
- E-mail : saigonship@saigonshipvn.com
- Website : www.saigonship.com.vn

4. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 2: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu: Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. **Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:**

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng container và thiết bị nâng hạ container tại kho bãi (không hoạt động tại trụ sở)	3311
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vecsni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	3290
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển; - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229 (Ngành nghề chính)

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210 (Ngành nghề chính)
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản khác.	6810
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
11	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.	4912
12	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nạo vét đường thủy, đường biển	4299
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân	4669

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	vào đâu.	
15	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở)	0730
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp.	3312
17	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện	3314
18	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị khác	3319
19	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
21	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. (không hoạt động ở trụ sở)	4631
22	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
23	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
24	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán	4641

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	buôn giày dép.	
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
27	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
28	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

3. Phạm vi hoạt động kinh doanh:

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty có thể tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, được ĐHĐCĐ thông qua và được đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 3: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do ĐHĐCĐ quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cổ đông Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ.

4. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo Công ty, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.

Điều 5: Người đại diện theo pháp luật

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.
2. Tổng Giám đốc Công ty có quyền hạn và nhiệm vụ được quy định theo Pháp luật và trong Điều lệ này.

Điều 6: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị – xã hội tại Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II:
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7: Quyền của Công ty

1. Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
5. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
6. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
7. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Doanh nghiệp.
8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
11. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.
12. Các quyền khác do theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III:
VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

MỤC 1: VỐN

Điều 9: Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 144.200.000.000 (một trăm bốn mươi bốn tỷ hai trăm triệu) đồng.

2. Vốn Điều lệ của Công ty được bổ sung theo từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Việc tăng vốn Điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định, được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

3. Vốn Điều lệ được sử dụng cho các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác mà không trái pháp luật).

Điều 10: Các loại vốn khác

1. Vốn vay:

Công ty huy động vốn bên ngoài bằng phương thức phát hành trái phiếu, vay vốn của ngân hàng, của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước và các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Công ty được quyền sử dụng vốn này và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi. Công ty phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động, dự trữ tối thiểu bắt buộc và biện pháp bảo đảm an toàn về vốn.

2. Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

3. Các loại vốn khác:

Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động.

MỤC 2: CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 11: Cổ phần – Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần – Cổ phiếu

1. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 14.420.000 (mười bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần. Các cổ phần phổ thông có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

2. Toàn bộ cổ phần của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phiếu: là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần mà một cổ đông nắm giữ. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu và được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông và sổ theo dõi phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty. Cổ phiếu phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Tổng Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

5. Nếu Cổ phiếu bị hỏng, bị mất hoặc bị hủy hoại thì Công ty sẽ cấp Cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng theo yêu cầu của cổ đông với điều kiện là cổ đông đó phải gửi cho Cổ phiếu cũ hoặc tuân thủ các điều kiện chứng minh Cổ phiếu bị mất

hoặc bị hủy hoại theo quy định tại **khoản 3 Điều 121** Luật Doanh nghiệp. Người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.

Điều 12: Chào bán cổ phần

1. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó.
2. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán do ĐHĐCĐ quyết định với điều kiện có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Thủ tục chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông của Công ty vào thời điểm phát hành thêm cổ phần được quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần hiện đang nắm giữ, hoặc do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 13: Chuyển nhượng Cổ phần

1. Các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần có thể được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán.
3. Bên nhận chuyển nhượng chính thức trở thành cổ đông Công ty và có các quyền lợi của cổ đông kể từ thời điểm các thông tin của bên nhận chuyển nhượng được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào nếu việc chuyển nhượng trái với Điều lệ này.
5. Các quy định khác về chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, và Luật Chứng khoán.
6. **Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.**

Điều 14: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết theo quy định của pháp luật, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hay toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó:

a. Người thừa kế theo quy định của pháp luật.

b. Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết bất cứ trường hợp tranh chấp nào giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Khi cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông tổ chức đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 130 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định trong Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải lập bằng văn bản nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một

tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Nếu tranh chấp xảy ra các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.
3. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần chưa bán theo quy định của Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần công ty mua lại **trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần**, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có qui định khác.
4. Cổ phiếu đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
5. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

CHƯƠNG IV:
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
b. Hội Đồng Quản Trị;
c. Ban Kiểm soát;
d. Tổng Giám đốc.

Điều 19: Nghĩa vụ chung của người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý

Người quản lý Công ty, người điều hành và cán bộ quản lý của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp HĐQT chấp thuận.
4. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.

b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.

c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này.

d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V:
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC I: CỔ ĐÔNG

Điều 20: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông là **cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty**.
2. Cá nhân, tổ chức chính thức trở thành cổ đông Công ty khi hoàn tất thanh toán tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại đơn vị lưu ký chứng khoán.
3. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:

a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông là tổ chức tại Công ty, là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó theo quy định hiện hành của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức nêu tại điểm a khoản này có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện tại Công ty.

c. Cổ đông là cá nhân có thể cử người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty.

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi lên HĐQT của Công ty.

f. Việc cử người làm đại diện tại Công ty phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của Công ty.

g. Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ này.

Điều 21: Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ.

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông đang nắm giữ tại Công ty.

d. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo quy định trong Điều lệ này và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

e. Được xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin **về tên và địa chỉ liên lạc** trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Người được ủy quyền tham dự không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

i. Được quyền khởi kiện theo điều **166** của Luật Doanh nghiệp.

j. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty** được ứng cử hoặc đề cử thành viên vào HĐQT và BKS của Công ty:

a. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được tối đa 1 thành viên.

- Tỷ lệ nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được tối đa 2 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 3 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 4 thành viên.

b. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được tối đa 1 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 2 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 3 thành viên.

c. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử hoặc đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

d. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên** có quyền:

a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:

- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- Nhiệm kỳ của HĐQT vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS, **hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.**

c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

d. **Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.**

e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 22: Nghĩa vụ của các cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành **Nghị quyết**, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

5. **Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định của Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.**

6. **Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:**

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

8. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật.

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

9. Nghĩa vụ của cổ đông lớn:

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các cuộc họp ĐHĐCĐ phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc đại diện thông qua theo Điều 30 hoặc Điều 31 của Điều lệ này.

Điều 24: Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

j. **Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.**

k. **Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**

l. **Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.**

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần theo triệu tập của HĐQT. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính**. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm được **kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty**;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. **Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**

h. **Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;**

i. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 25: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ.

c. Theo yêu cầu của nhóm cổ đông tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ.

d. Theo yêu cầu của BKS.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ nhưng không thấp hơn quy định của pháp luật.

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.

4. Trường hợp BKS không triệu họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5. HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty nếu HĐQT, BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

Điều 26: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo và điều kiện tiến hành họp

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **21** ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đã đăng ký của cổ đông.

2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết **không quá 10 ngày** trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp phù hợp với pháp luật và quy định của Công ty.

b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội.

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về việc tiến hành họp ĐHĐCĐ.

3. Cuộc họp ĐHĐCĐ là hợp lệ nếu:

a. Trong lần triệu tập lần đầu, số cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trong lần triệu tập lần thứ hai, số cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

c. Trong lần triệu tập lần thứ ba, không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Triệu tập họp lần thứ hai được tiến hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc; triệu tập họp lần thứ ba được tiến hành trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ hai dự định khai mạc.

4. HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện đến tham dự họp ĐHĐCĐ, lập danh sách hiện diện (chỉ số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

5. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định như sau:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa **hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa** các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp; và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một, hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp ĐHĐCĐ.

d. ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Điều 27: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.

c. Chương trình làm việc.

d. Chủ tọa và thư ký.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ.

f. Các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; các vấn đề đã được thông qua.

g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán

thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. **Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.**

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 28: Chi phí tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả; Các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do cổ đông tự trang trải.

Điều 29: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp tại Công ty quy định tại khoản 3 **Điều 20** Điều lệ có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho người khác tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Cổ đông sở hữu từ 1% cổ phần phổ thông của Công ty trở xuống chỉ được ủy quyền cho một (01) cá nhân hoặc tổ chức khác.

2. Việc ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận, người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, hoặc fax, hoặc thư điện tử trước 02 ngày tổ chức ĐHĐCĐ về Công ty theo địa chỉ được ghi trên thông báo.

Điều 30: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, bỏ phiếu kín hoặc hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền biểu quyết dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp:

a. Biểu quyết tại cuộc họp phải công khai và trực tiếp; ngoài những trường hợp được quy định trong Điều lệ này, ĐHĐCĐ có thể quyết định bỏ phiếu kín trong các trường hợp khác.

b. Mỗi cổ đông khi biểu quyết được tính bằng phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

c. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều này.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 31: Thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trừ trường hợp qui định khoản 3 Điều 30 Điều lệ này, Nghị quyết có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. HĐQT có trách nhiệm sau đây để các Nghị quyết của cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và pháp luật.

b. Gửi phiếu biểu quyết, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin.

3. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị như Nghị quyết do ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 32: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 30 Điều lệ.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI:
TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33: Quy định chung về Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để **quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty**, **trừ các quyền và nghĩa vụ** thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Số thành viên của HĐQT là 05 thành viên, tối thiểu phải có 3/5 số thành viên HĐQT thường trú ở Việt Nam. HĐQT có quyền đề nghị ĐHĐCĐ thay đổi số lượng thành viên HĐQT của từng nhiệm kỳ trong khoảng từ 5 đến 11 thành viên.

3. Thành viên HĐQT không nhất thiết là cổ đông của Công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Tổng Giám đốc Công ty ("thành viên điều hành") hoặc có thể là thành viên không tham gia Ban Tổng Giám đốc ("thành viên không điều hành").

4. HĐQT bầu một Chủ tịch HĐQT và một Phó chủ tịch HĐQT bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

a. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

b. **Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;**

c. **Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác**;

d. **Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.**

Điều 34: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

2. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

Điều 35: Chủ tịch, Phó chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT

2. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch thực hiện công việc với tư cách như là Chủ tịch trong trường hợp: vắng mặt, bất khả kháng nhưng phải thông báo cho HĐQT biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất khả kháng thì HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

4. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 36: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền hạn:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty;

b. Quyết định kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

c. Quyết định mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm.

e. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

f. Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ.

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

h. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào trong 12 tháng của Công ty;

k. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

l. Quyết định giá phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

m. Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

n. Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, Nghị quyết và các quy định của HĐQT;

o. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, công nghệ;

p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

2. Nhiệm vụ:

a. Báo cáo cho ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hoạt động của mình.

b. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, **cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.**

c. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

d. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

e. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề:

- Tăng giảm vốn Điều lệ và sửa đổi điều kiện chuyển nhượng cổ phần.
- Kiến nghị chiến lược huy động vốn.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, xác định mức cổ tức tạm thời hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty.

3. Các quyền và trách nhiệm khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 37: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

2. Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

a. Chủ tịch HĐQT;

b. Ít nhất hai thành viên HĐQT;

c. BKS hoặc thành viên độc lập;

d. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

3. HĐQT có quyền thông qua Nghị quyết bằng việc biểu quyết tại cuộc họp hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày,

kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự. Nghị quyết đã được HĐQT Công ty thông qua phải được ghi nội dung trong biên bản và do Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp: Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 39: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc các tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên

HĐQT của Công ty thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch lên thay, trong trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT cử người tạm thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ.

4. Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

5. Trong trường hợp khuyết một thành viên HĐQT thì HĐQT tạm thời bổ nhiệm thành viên thay thế cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung. Sau khi ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm và kết thúc theo nhiệm kỳ của HĐQT. Trường hợp ĐHĐCĐ không chấp thuận, mọi quyết định HĐQT có sự tham gia biểu quyết của thành viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 40: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a. Triệu tập các phiên họp của HĐQT.

b. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

c. Lập chương trình công tác và phân công thành viên theo dõi quá trình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

d. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT.

e. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ, HĐQT.

f. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.

g. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Phó chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội

đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không ủy quyền cho người khác.

Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên kiêm nhiệm, chuyên trách HĐQT sẽ nhận được khoản thù lao hoặc tiền lương và các lợi ích khác cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng kinh phí hàng năm của HĐQT do HĐQT xây dựng trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Mức lương hoặc thù lao của các thành viên HĐQT do HĐQT quyết định.

2. Các thành viên của HĐQT có quyền được thanh toán các khoản chi phí hợp lý mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.

3. Thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện bằng mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

MỤC II: BAN KIỂM SOÁT

Điều 42: Quy định chung về Ban kiểm soát

1. BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. BKS có 3 thành viên. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. BKS phải bầu một thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.

3. Kiểm soát viên có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. **Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên**

thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

5. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 43: Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá 05 năm do ĐHĐCĐ bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kì không hạn chế.

Điều 44: Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm Ban kiểm soát

1. Cổ đông muốn thay thế người đại diện, hoặc người được ủy quyền đại diện của mình đang giữ chức vụ Kiểm soát viên thì phải có văn bản gửi đến HĐQT và BKS để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong các trường hợp khuyết chức danh Trưởng BKS, các Kiểm soát viên còn lại của BKS bầu 1 người thay thế.

3. Trong trường hợp số lượng Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng tối thiểu quy định của pháp luật, Trưởng BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

4. **Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:**

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Điều lệ này.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c. **Trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ**.

5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 45: Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát

1. Trưởng BKS có trách nhiệm **điều hành chung hoạt động của Ban Kiểm soát**, phân công Kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.

2. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Kiểm soát viên vắng mặt phải có báo cáo bằng văn bản. **Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.**

3. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên:

a. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).

b. Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính.

c. Báo cáo với ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và Tổng Giám đốc với các ý kiến độc lập của

mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).

d. Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT.

e. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật **có liên quan** và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4. Quyền hạn của Kiểm soát viên:

a. BKS có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên họp bất thường.

b. Được quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

c. Được quyền tham dự cuộc họp HĐQT, được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

d. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật **có liên quan**.

5. Việc kiểm tra, kiểm soát theo thẩm quyền của BKS không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 46: Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu

người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

MỤC III: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

Điều 47: Bổ nhiệm và nhiệm kỳ Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.
2. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

a. **Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp**.

b. **Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty**.

c. **Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ**.

d. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 48: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty; có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

1. Quyền hạn:

a. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ; thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty đã được HĐQT thông qua.

b. Ban hành các quy chế về điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

c. Quyết định các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, sự phân cấp của HĐQT và ĐHĐCĐ.

d. Quyết định và kí kết các hợp đồng giao dịch có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ.

e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

f. Trình HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc phụ trách Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty con cũng như đề xuất để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với các cán bộ đó.

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

h. Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.

i. Tuyển dụng lao động.

j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

k. Phân công hoặc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý nghiệp vụ đại diện mình thực hiện một số công việc của Công ty.

l. Từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này và trái Nghị quyết của ĐHĐCĐ đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho BKS biết.

m. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố khác... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.

2. Nhiệm vụ:

a. Hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ĐHĐCĐ thông qua.

c. Thực hiện những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.

d. Thực hiện các quy định của Điều lệ này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật.

e. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ khi được yêu cầu.

3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của HĐQT.

Điều 49: Miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 50: Các hợp đồng giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ.

c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng **làm chủ,** có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng **làm chủ**, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này **và Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó**. **Người đại diện theo pháp luật phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch**. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu **theo quyết định của Tòa án** và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết **không đúng với quy định tại Điều này**; **người ký kết hợp đồng, giao dịch**, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC IV: QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

1. HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này. HĐQT chịu trách nhiệm và báo cáo trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình.

2. Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và báo cáo trước HĐQT về các hoạt động của mình.

MỤC V: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 52: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông và Sổ theo dõi phát hành cổ phiếu của Công ty và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG VII:
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

MỤC I: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Điều 53: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được phép mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh đó.

Điều 55: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 56: Trình báo cáo hằng năm

1. **Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây**:

a. **Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty**;

b. **Báo cáo tài chính**;

c. **Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty**

d. **Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.**

2. **Lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán**.

3. **Lập các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan ban ngành.**

Điều 57: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. **Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền**.

2. **Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty**.

3. **Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền**.

Điều 58: Kiểm toán

1. **Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị**.

2. **Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty**.

3. **Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.**

Điều 59: Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

MỤC II: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 60: Trích lập quỹ

1. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ theo qui định của pháp luật.
2. Tỉ lệ trích lập các quỹ do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Điều 61: Cổ tức

1. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ, được chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng số cổ phần góp vốn.
2. Cổ tức được chia theo mức ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.

Điều 62: Hình thức chi trả cổ tức

1. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.
2. **Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác**.

CHƯƠNG VIII:
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ - SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc

b. Một cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án theo luật định.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 64: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

2. Bất kỳ nội dung nào không được quy định trong Điều lệ này sẽ được áp dụng theo Luật Doanh nghiệp hoặc các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX:
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 65: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Bị tuyên bố phá sản, hoặc bị giải thể theo quy định của pháp luật.

b. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty đều phải được ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành giải thể theo thủ tục luật định.

Điều 66: Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, **HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập**. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên

gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý.

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên.

c. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam.

d. Các khoản vay (nếu có).

e. Các khoản nợ khác của Công ty.

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG X:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 67: Kế thừa và các quy định khác

1. Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cổ phần hóa.

2. Văn bản sử dụng trong Công ty nếu được lập bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị pháp lý cuối cùng trong trường hợp xảy ra tranh chấp.

Điều 68: Hiệu lực, đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho bản Điều lệ trước đây của Công ty.

2. Sau khi ĐHĐCĐ thông qua, Điều lệ này được lập thành 10 (mười) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Công ty sẽ nộp bản chính, bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác nếu các cơ quan này có yêu cầu đúng thẩm quyền.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 18 /TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Tờ trình số 11/TTr-TGĐ-SSC ngày 06/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành bắt đầu có hiệu lực thi hành, các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành trước đây không còn phù hợp. Vì vậy, Hội đồng quản trị đã triển khai xây dựng lại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới với các nội dung phù hợp với quy định hiện hành để thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung sau:

1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn *(theo dự thảo đính kèm tờ trình)*. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, hồ sơ đại hội

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300424088 C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN ★ QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TRẦN THIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TPHCM
Điện thoại: (028) 3829 6316 – 3829 6320; Fax: (028) 3822 5067
Email: saigonship@saigonshipvn.com
Website: www.saigonship.com.vn

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 4

QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4

Điều 2. Giải thích thuật ngữ 4

CHƯƠNG II 6

CỔ ĐÔNG VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ 6

Điều 3. Quyền và Nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 6

Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ 7

Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 6. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ 9

Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ 9

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 10

Điều 9. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ 10

Điều 10. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ 10

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp 11

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu 12

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ 12

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu 12

Điều 15. Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua 12

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ 13

Điều 17. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ 13

Điều 18. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng 14

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ 14

Điều 20. Họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến 16

Điều 21. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến 17

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại ĐHĐCĐ trực tuyến 17

Điều 23. Trình tự, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến 18

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến 18

Điều 25. Hình thức, cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tuyến 18

Điều 26. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến 20

Điều 27. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến 20

Điều 28. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức ĐHĐCĐ truyền thống kết hợp trực tuyến 20

CHƯƠNG III 20

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 21

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT 21

Điều 30. Quyền hạn, Trách nhiệm của thành viên HĐQT 22

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT 23

Điều 32. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 23

Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT 23
Điều 34. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT 24
Điều 35. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT 24
Điều 36. Cách thức bầu thành viên HĐQT 24
Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT 25
Điều 38. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 26
Điều 39. Chủ tịch HĐQT 26
Điều 40. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT 27
Điều 41. Cuộc họp HĐQT 28
Điều 42. Biên bản họp HĐQT 30
Điều 43. Thông báo Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT 30
Điều 44. Các tiểu ban giúp việc HĐQT 30
Điều 45. Người phụ trách quản trị Công ty 31
Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 31
CHƯƠNG IV 31
BAN KIỂM SOÁT 31
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của BKS 31
Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của BKS 32
Điều 49. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên BKS 33
Điều 50. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS 33
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS 33
Điều 52. Trưởng BKS 34
Điều 53. Đề cử, ứng cử thành viên BKS 34
Điều 54. Cách thức bầu thành viên BKS 34
Điều 55. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS 35
Điều 56. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS 35
Điều 57. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS 36
CHƯƠNG V 36
TỔNG GIÁM ĐỐC 36
Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của TGĐ 36
Điều 59. Bổ nhiệm, Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGĐ 38
Điều 60. Miễn nhiệm đối với TGĐ 38
Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGĐ 38
Điều 62. Tiền lương và lợi ích khác của TGĐ 38
CHƯƠNG VI 38
NGUYÊN TẮC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGĐ 38
Điều 63. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGĐ 38
Điều 64. Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BKS 39
Điều 65. Các trường hợp TGĐ và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 39

Điều 66. Báo cáo của TGĐ với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 39
Điều 67. Các vấn đề TGĐ phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS 39
Điều 68. Phối hợp hoạt động của HĐQT và mối quan hệ giữa HĐQT, BKS, BĐH và các doanh nghiệp thành viên 40
Điều 69. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGĐ 41
CHƯƠNG VII 41
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TGĐ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 41
Điều 70. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên BĐH và các cán bộ quản lý 42
CHƯƠNG VIII 42
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH 42
VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY 42
Điều 71. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp 42
Điều 72. Giao dịch với người có liên quan 43
Điều 73. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này 43
Điều 74. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty 44
CHƯƠNG IX 44
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH 44
Điều 75. Nghĩa vụ công bố thông tin 45
Điều 76. Công bố thông tin về quản trị công ty 45
Điều 77. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ, Kế toán trưởng và người có liên quan 45
CHƯƠNG X 45
BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC 45
Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị 45
Điều 79. Ngày hiệu lực 46

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi là "Luật Chứng khoán");

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sau đây gọi là "Luật Doanh nghiệp");

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số ...ngày ...tháng...năm...

HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGĐ); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS), TGĐ và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, TGĐ và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b. "Công ty" được hiểu là Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn;

c. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

d. "Người điều hành Công ty" là TGĐ, các Phó TGĐ, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý.

e. "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên HĐQT không phải là TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng và Cán bộ quản lý khác .

f. "Cán bộ quản lý" bao gồm Trưởng, Phó các phòng, ban, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm của Công ty và người đại diện phần vốn tại các đơn vị mà Công ty có vốn góp"

g. ĐHĐCĐ trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

h. ĐHĐCĐ truyền thống là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

i. Địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.

j. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này.

k. Bỏ phiếu truyền thống là việc cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ truyền thống.

l. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ tương tự.

m. Đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến là việc cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống và đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

n. Tài khoản truy cập bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

o. Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP-One time password) là mật khẩu/mật mã sử

dụng một lần, chỉ có giá trị trong khoảng thời gian nhất định và được nhắn tin vào số điện thoại di động/email của cổ đông đã cung cấp theo Quy chế này. OTP được sử dụng để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các tác vụ khác cần xác thực từ cổ đông.

p. Phiên đăng nhập (session) là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi (i) hoặc là cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi hệ thống; (ii) hoặc cổ đông truy cập trên thiết bị khác; (iii) hoặc thời gian tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến đã kết thúc; (iv) hoặc cổ đông tắt ngang Hệ thống.

q. Hệ thống là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

r. Thời gian mở cửa Hệ thống là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức Đại hội.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Quyền và Nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;

k. Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty; quy chế hoạt động HĐQT, BKS;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty;

c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

i. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. HĐQT triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Số lượng thành viên HĐQT giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty;

e. Theo yêu cầu của BKS;

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này; trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này nhưng không ít hơn so với số lượng thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật này. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền đại diện công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách

và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 6. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Thông tư của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội, được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

2. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất là 21 ngày trước

ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Trong lần triệu tập lần đầu, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 10. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp

thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

Cổ đông sở hữu từ 1% cổ phần phổ thông của Công ty trở xuống chỉ được ủy quyền dự họp cho một (1) cá nhân hoặc tổ chức khác.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ: Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

a. Đăng ký dự họp qua điện thoại, fax, ...
b. Ủy quyền đại diện tham dự đại hội. Trường hợp cổ đông tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
c. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà HĐQT chấp thuận, người được ủy quyền phải trình văn bản này cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.
d. Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
c. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng

đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu

1. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc đánh dấu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến vào phiếu biểu quyết.

2. Cách thức bỏ phiếu có thể được điều chỉnh theo quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

3. Trong một phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

4. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua

2. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập thống kê số phiếu biểu quyết Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn và công bố trước Đại hội.

4. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố tại Đại hội.

2. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố trên website của Công ty.

Điều 15. Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty

5. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

6. Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Biên bản phải có nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên Chủ toạ và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục

danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ toạ và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định, công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy chế này;

2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và

đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; có thể thay thế việc gửi dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết kèm theo phiếu lấy ý kiến bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty nhưng phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và

phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 20. Họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Khi xét thấy cần thiết, Công ty sẽ áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến thay cho hình thức họp ĐHĐCĐ truyền thống, bao gồm việc tham dự và biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ truyền thống, bỏ phiếu truyền thống.

3. HĐQT có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công

tác tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 21. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

2. Hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập và Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

d. Dữ liệu điện tử của chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, thảo luận và biểu quyết trực tuyến tất cả các vấn đề của đại hội.

2. Tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa; không gây rắc rối hoặc gây mất trật tự trong đại hội.

3. Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác để Ban tổ chức đại hội gửi thư mời họp và hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.

4. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCĐ trực tuyến.

5. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu thông qua phương tiện điện tử có giá trị như phương thức Bỏ phiếu truyền thống.

6. Được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cấp để đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào

Hệ thống trong thời gian diễn ra đại hội tính từ thời điểm Hệ thống mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.

7. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

8. Cổ đông phải đảm bảo việc tham dự trực tuyến liên tục trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ trực tuyến. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận là cổ đông tham dự kể từ thời điểm đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến cho tới khi đại hội kết thúc. Trường hợp cổ đông sau khi đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến của cổ đông trước khi đăng xuất (logout) Hệ thống.

Điều 23. Trình tự, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

2. Thể thức tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với nguyên tắc của Quy chế này.

3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật làm ảnh hưởng đến việc tham dự liên tục ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ Công ty theo hướng dẫn được thông báo tại thư mời họp hoặc do Ban tổ chức đại hội công bố trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ trực tuyến để được hỗ trợ.

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP (nếu có yêu cầu) để đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ liên hệ của cổ đông hoặc được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ www.saigonship.com.vn.

2. Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không phải dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 25. Hình thức, cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Hình thức biểu quyết: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo khoản 3 Điều này.

2. Thời điểm biểu quyết:

a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc ĐHĐCĐ trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội; thành phần Ban kiểm phiếu và quy chế tổ chức ĐHĐCĐ. Thời gian kết thúc biểu quyết các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc ĐHĐCĐ trực tuyến.

c. Các kết quả bỏ phiếu được tính tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) thì các nội dung đã bỏ phiếu vẫn không bị ảnh hưởng.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ được biết kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

3. Bỏ phiếu điện tử

a. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP (nếu có yêu cầu) để đăng nhập vào Hệ thống theo hướng dẫn kèm theo thư mời họp hoặc được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.

b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng "Đồng ý", "Không đồng ý", "Không ý kiến" đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

c. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu nêu tại Khoản 2.b Điều này. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện lên quan đến kết quả này.

4. Kết quả biểu quyết

a. Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

b. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 26. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra ĐHĐCĐ trực tuyến.

2. Cổ đông có thể thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến bằng hình thức biểu quyết trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho Ban chủ tọa.

Điều 27. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Nội dung họp ĐHĐCĐ trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 28. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức ĐHĐCĐ truyền thống kết hợp trực tuyến

1. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể lựa chọn hình thức họp ĐHĐCĐ truyền thống, bỏ phiếu trực tiếp kết hợp hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông có thể lựa chọn các hình thức tham dự và biểu quyết là (i) tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc (ii) tham dự trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền chỉ được lựa chọn một trong hai hình thức.

3. Cổ đông lựa chọn hình thức tham dự và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ sẽ thực hiện việc đăng ký tham dự và biểu quyết tương tự như tại cuộc họp ĐHĐCĐ truyền thống quy định tại Quy chế này.

4. Cổ đông lựa chọn hình thức tham dự trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ thực hiện việc đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử tương tự như tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến quy định tại Quy chế này.

5. Số lượng cổ đông đăng ký tham dự và biểu quyết tại đại hội được tính dựa trên tổng số cổ đông đăng ký tham dự và biểu quyết theo hình thức ĐHĐCĐ truyền thống và ĐHĐCĐ trực tuyến.

6. Kết quả kiểm phiếu tại đại hội là kết quả tổng hợp của kết quả bỏ phiếu trực tiếp và kết quả bỏ phiếu điện tử.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. Quyền hạn:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty;

b. Quyết định kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;

c. Quyết định mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với TGĐ và các Phó TGĐ, Kế toán trưởng, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh do TGĐ đề xuất và bổ nhiệm.

e. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

f. Thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ.

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

h. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào trong 12 tháng của Công ty;

k. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

l. Quyết định giá phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

m. Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

n. Có thể đình chỉ các quyết định của TGĐ nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ này, Nghị quyết và các quy định của HĐQT;

o. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, công nghệ;

p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

q. Các quyền khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Nghĩa vụ:

a. Báo cáo cho ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hoạt động của mình.

b. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

c. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

d. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

e. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề:

- Tăng giảm vốn Điều lệ và sửa đổi điều kiện chuyển nhượng cổ phần.
- Kiến nghị chiến lược huy động vốn.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, xác định mức cổ tức tạm thời hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty

f. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Quyền hạn, Trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa

vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
c. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
d. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGĐ, Phó TGĐ, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 32. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

3. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

4. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của TGĐ và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm

người quản lý công ty mẹ.

Điều 34. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được ứng cử hoặc đề cử thành viên vào HĐQT của Công ty:

Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được tối đa 1 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được tối đa 2 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 3 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 4 thành viên.

2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử hoặc đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

3. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

Điều 35. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT

1. Các cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử để bầu thay thế thành viên HĐQT được quyền ứng cử, đề cử chậm nhất là trước khi ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử thay thế thành viên HĐQT tại Đại hội.

2. Các cổ đông đủ tiêu chuẩn có thể gửi hồ sơ ứng cử, đề cử trước khi tiến hành Đại hội về địa chỉ trụ sở chính của Công ty**.**

3. Hồ sơ ứng cử, đề cử:

- Giấy ứng cử/ đề cử thành viên HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ: Giấy tờ tùy thân (Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, hoặc hộ chiếu); Hộ khẩu thường trú; các bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn.

Điều 36. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Cổ đông có thể lựa chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên HĐQT:

- Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần đánh dấu chéo (X) vào

ô trống của từng ứng cử viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số quyền bầu của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.

- Bầu cử bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số quyền bầu vào ô trống bên phải của tên ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng số quyền biểu quyết cổ đông bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số quyền bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

3. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba với số quy định tại Điều lệ công ty nhưng không ít hơn số lượng thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Trong trường hợp khuyết một thành viên HĐQT thì HĐQT tạm thời bổ nhiệm

thành viên thay thế cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.Sau khi ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm và kết thúc theo nhiệm kỳ của HĐQT.Trường hợp ĐHĐCĐ không chấp thuận, mọi quyết định HĐQT có sự tham gia biểu quyết của thành viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 38. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin liên quan khác (nếu có);
g. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 39. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm TGĐ.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Chủ tịch có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch thực hiện công việc với tư cách như là Chủ tịch trong trường hợp: vắng mặt, bất khả kháng nhưng phải thông báo cho HĐQT biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất khả kháng thì HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký HĐQT. Thư ký HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
b. Soạn thảo, trình ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
c. Thực hiện công việc liên lạc giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT, TGĐ và BKS.
d. Theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT cung cấp các thông tin tài liệu, bản sao biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho các thành viên HĐQT và BKS.
e. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
f. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
g. Được trực tiếp làm việc với các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc được giao;
h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

Điều 40. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc

họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 41. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Theo đề nghị của chủ tịch HĐQT;

b. Có đề nghị của BKS;

c. Có đề nghị của TGĐ hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

d. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

7. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Giấy ủy quyền cho người khác dự họp phải gửi đến Chủ tịch HĐQT, chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp, có thể gửi bằng fax., thư điện tử (email) nhưng phải xuất trình bản chính giấy ủy quyền và chứng minh nhân dân (CMND) hoặc căn cước công dân (CCCD) của người được ủy quyền cho Chủ tọa cuộc họp. giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, CMND/CCCD của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền. Người ủy

quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước HĐQT về các công việc của người được ủy quyền.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 42. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian, địa điểm họp;
c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 43. Thông báo Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT

Biên bản họp và Nghị quyết, Quyết định HĐQT phải được gửi đi cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi có đầy đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký và các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

Điều 44. Các tiểu ban giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của

tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này.

Điều 45. Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT của Công ty bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HĐQT công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
d. Tham dự các cuộc họp;
e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty thực hiện việc Công bố thông tin liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định của Luật chứng khoán.

CHƯƠNG IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của BKS

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGĐ trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGĐ vi phạm quy định về trách nhiệm của Người quản lý Công ty quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Có thể sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của BKS

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;

c. Báo cáo của TGĐ trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS

Điều 49. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên BKS

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả

Điều 50. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS

1. BKS có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGĐ và người quản lý khác;
d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
g. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.

Điều 52. Trưởng BKS

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 53. Đề cử, ứng cử thành viên BKS

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được ứng cử hoặc đề cử thành viên vào BKS của Công ty:

Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

- Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được tối đa 1 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 2 thành viên.
- Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 3 thành viên.

2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử hoặc đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

3. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

Điều 54. Cách thức bầu thành viên BKS

1. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được

bầu của BKS. Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Cổ đông có thể lựa chọn một trong hai phương pháp sau đây để bầu thành viên BKS:

- Bầu cử bằng phương pháp đánh dấu: cổ đông chỉ cần đánh dấu chéo (X) vào ô trống của từng ứng cử viên mà mình bầu. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên được chọn là kết quả chia đều của Tổng số quyền bầu của cổ đông chia cho số ứng cử viên được lựa chọn.
- Bầu cử bằng phương pháp ghi số cổ phần cho số ứng cử viên mà mình lựa chọn: cổ đông ghi trực tiếp số quyền bầu vào ô trống bên phải của tên ứng cử viên mà mình lựa chọn. Số quyền bầu cho từng ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông/đại diện cổ đông đối với mỗi ứng cử viên. Tổng số quyền biểu quyết cổ đông bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số quyền bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

3. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 55. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 50 Quy chế này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 56. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên

này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác;
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin liên quan khác (nếu có);
g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 57. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG V
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của TGĐ

TGĐ là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty; có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

1. Quyền hạn:
   a. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ; thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty đã được HĐQT thông qua.
   b. Ban hành các quy chế về điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của

pháp luật.

c. Quyết định các vấn đề gồm việc ký kết các hợp đồng, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, sự phân cấp của HĐQT và ĐHĐCĐ.
d. Quyết định và kí kết các hợp đồng giao dịch có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng qui định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ.
e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
f. Trình HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật các Phó TGĐ, các Giám đốc phụ trách Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty con cũng như đề xuất để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với các cán bộ đó.
g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
h. Quyết định mức lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.
i. Tuyển dụng lao động.
j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
k. Phân công hoặc ủy quyền cho các Phó TGĐ, các cán bộ quản lý nghiệp vụ đại diện mình thực hiện một số công việc của Công ty.
l. Từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này và trái Nghị quyết của ĐHĐCĐ đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho BKS biết.
m. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố khác... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.

2. Nhiệm vụ:

a. Hằng năm, TGĐ phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
b. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do ĐHĐCĐ thông qua.
c. Thực hiện những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.
d. Thực hiện các quy định của Điều lệ này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật.
e. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ khi được yêu

cầu.

3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 59. Bổ nhiệm, Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGĐ

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm TGĐ và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác. Nhiệm kỳ của TGĐ không quá 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch HĐQT đại diện người sử dụng lao động ký kết hợp đồng lao động với TGĐ.

2. TGĐ phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ;

d. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Miễn nhiệm đối với TGĐ

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGĐ

Việc thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm TGĐ phải được thông báo trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Điều 62. Tiền lương và lợi ích khác của TGĐ

1. TGĐ được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGĐ do HĐQT quyết định.

2. Tiền lương của TGĐ được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

NGUYÊN TẮC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGĐ

Điều 63. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGĐ

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả buổi họp phải được gửi đến các Kiểm soát

viên và TGĐ cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Kiểm soát viên, TGĐ có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Ban TGĐ chủ trì. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 64. Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BKS

Các nghị quyết và biên bản họp của HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT và TGĐ.

Điều 65. Các trường hợp TGĐ và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT:

Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, TGĐ và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT.

Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a. TGĐ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do TGĐ quản lý theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 58 Quy chế này.
b. Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền thông qua của HĐQT.
c. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của BKS trước khi trình lên ĐHĐCĐ.
d. Các vấn đề khác mà TGĐ nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.
e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT, HĐQT có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 66. Báo cáo của TGĐ với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

TGĐ phải báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất cho HĐQT theo quy định như sau:

1. Báo cáo định kỳ: Hàng tháng, quí, năm, TGĐ phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho HĐQT thông qua thư ký HĐQT theo các biểu mẫu báo cáo và kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ (nếu có).

2. Báo cáo đột xuất: khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn cho Công ty, TGĐ phải kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Chủ tịch HĐQT để xử lý chỉ đạo.

Điều 67. Các vấn đề TGĐ phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông

báo cho HĐQT, BKS

1. TGĐ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty;có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành.

2. TGĐ có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái điều lệ và trái Nghị quyết của ĐHĐCĐ đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho BKS biết.

3. TGĐ được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố…) và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.

4. TGĐ có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con hoặc với những người có liên quan tới TGĐ theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo của TGĐ trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 68. Phối hợp hoạt động của HĐQT và mối quan hệ giữa HĐQT, BKS, BĐH và các doanh nghiệp thành viên

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban TGĐ

a. HĐQT và TGĐ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này. TGĐ phải báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định tại Điều 44 Quy chế này và cung cấp tài liệu cho HĐQT được yêu cầu theo quy định.

b. TGĐ có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của TGĐ nhưng thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các tài liệu khác theo yêu cầu của HĐQT.

c. HĐQT có trách nhiệm xem xét và giải quyết kịp thời các kiến nghị, các đề xuất giải pháp xử lý của TGĐ nhằm đáp ứng nhanh chóng hoạt động SXKD công ty.

2. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS

a. Quan hệ làm việc giữa HĐQT và BKS trong quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động của Công ty được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Quy chế hoạt động của HĐQT.

b. BKS thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát Công ty, đồng thời trao đổi với HĐQT các báo cáo, kết luận và kiến nghị trước khi trình ra ĐHĐCĐ.

c. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi cho BKS hoạt động để thực hiện nhiệm vụ và chức trách của mình, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc xử lý các kiến nghị của BKS.

3. Mối quan hệ với các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty

a. HĐQT có thẩm quyền cử Người đại diện (bao gồm người Đại diện vốn và người được cử tham gia BKS) của Công ty vào các doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty theo quy chế hoạt động Người đại diện Công ty tại Công ty con và Công ty liên kết.

b. HĐQT giám sát hoạt động doanh nghiệp thông qua Người đại diện và phù hợp với quy định, hợp đồng và Điều lệ của Doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty.

c. Doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty thông qua Người đại diện để trình báo Công ty các đề xuất, kiến nghị và giải pháp xử lý trong hoạt động của doanh nghiệp.

4. Mối quan hệ giữa công ty và Người đại diện tại Doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty

a. Người đại diện có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến trước khi biểu quyết, quyết định, tham gia ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng thành viên, HĐQT, ĐHĐCĐ đối với các nội dung quy đinh tại Khoản 1 Điều 8 Quy chế hoạt động Người đại diện Công ty tại Công ty con và Công ty liên kết.

b. Người đại diện thực hiện đầy đủ chế độ thông tin định kỳ, đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt đối với các thông tin liên quan đến việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Công ty giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

c. Việc thông tin giữa Người đại diện và Công ty được thực hiện theo quy chế hoạt động người đại diện của Công ty tại Công ty con và Công ty liên kết..

Điều 69. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGĐ

1. Trên cơ sở báo cáo của TGĐ theo quy định tại Điều 66, 67 Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của TGĐ, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGĐ.

2. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên HĐQT thống nhất thông qua.

CHƯƠNG VII
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN

THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TGĐ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 70. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên BĐH và các cán bộ quản lý

1. Đánh giá hoạt động:

a. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Ban TGĐ, Kế toán trưởng và người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Doanh nghiệp khác.

b. Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

c. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

2. Khen thưởng và kỷ luật:

Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, HĐQT, BKS xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền và hình thức tương ứng quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG VIII
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 71. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 72. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 73. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp sau đây:

Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được ĐHĐCĐ chấp thuận:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo

nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
   - Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
   - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
   - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 74. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban TGĐ và BKS.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

4. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ, Phó TGĐ cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG IX
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 75. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 76. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 77. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ, Kế toán trưởng và người có liên quan

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 71 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên HĐQT, TGĐ hoặc cổ đông lớn.

CHƯƠNG X

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 79. Ngày hiệu lực

Quy chế này gồm 10 chương 79 điều được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2021 và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành trước đây.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 19 /TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Tờ trình số 12/TTr-TGĐ-SSC ngày 06/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp 2020, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Vì vậy, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện tại (do Hội đồng quản trị thông qua nội dung và ban hành) đã không còn phù hợp về thẩm quyền phê duyệt và nội dung quy chế không còn phù hợp với quy định mới. Vì vậy, Hội đồng quản trị đã triển khai xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty phù hợp với quy định mới, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung sau:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn *(theo dự thảo đính kèm tờ trình)*. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành trước đây.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ban hành Quy chế hoạt đồng của Hội đồng quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, hồ sơ đại hội

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300424088 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TRẦN THIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TPHCM
Điện thoại: (028) 3829 6316 – 3829 6320; Fax: (028) 3822 5067
Email: saigonship@saigonshipvn.com
Website: www.saigonship.com.vn

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 3
QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3
CHƯƠNG II 4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 8
CHƯƠNG III 8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 12
CHƯƠNG IV 12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 14
CHƯƠNG V 15
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 15

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 15
CHƯƠNG VI 17
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....17
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 17
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....18
Điều 23. Mối quan hệ với Người đại diện của Công ty tại Công ty con 18
CHƯƠNG VII.....18
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH.....18
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế 19
Điều 25. Hiệu lực thi hành.....19

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi là "Luật Chứng khoán");

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (sau đây gọi là "Luật Doanh nghiệp");

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (sau đây gọi là "Điều lệ Công ty");

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Chủ tịch có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch thực hiện công việc với tư cách như là Chủ tịch trong trường hợp: vắng mặt, bất khả kháng nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do bất khả kháng thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Hội đồng

quản trị. Thư ký có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
b. Soạn thảo, trình ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
c. Thực hiện công việc liên lạc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
d. Theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin tài liệu, bản sao biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
e. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
f. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
g. Được trực tiếp làm việc với các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao.
h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba với số quy định tại Điều lệ Công ty nhưng không ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối

thiểu theo quy định của pháp luật;

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu

lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin liên quan khác (nếu có);
g. Công ty phải công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh

hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có có thời hạn lớn hơn 02 năm, hoặc có tổng giá trị của mỗi hợp đồng giao dịch lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 50 Điều lệ;
i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; thông qua nhân sự Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh do Tổng Giám đốc đề xuất và bổ nhiệm; Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về

quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
   - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
   - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
   - Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
   - Doanh nghiệp mà người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên

Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông ở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này nhưng không ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc

họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT;
b. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
c. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
d. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội

đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết

phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Giấy ủy quyền cho người khác dự họp phải gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp, có thể gửi bằng fax., thư điện tử (email) nhưng phải xuất trình bản chính giấy ủy quyền và chứng minh nhân dân (CMND) hoặc căn cước công dân (CCCD) của người được ủy quyền cho Chủ tọa cuộc họp. Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, CMND/CCCD của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền. Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các công việc của người được ủy quyền.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian, địa điểm họp;
c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ

nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
b. Báo cáo tài chính;
c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó

thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định.
2. Tổng giám đốc phải báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và cung cấp tài liệu cho Hội đồng quản trị theo quy định sau:

a. Báo cáo quản trị Công ty định kỳ: Chậm nhất sau 15 ngày sau khi kết thúc tháng/quý/năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị thông qua thư ký Hội đồng quản trị theo biểu mẫu của Công ty. Kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ (nếu có).

b. Báo cáo đột xuất: khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biên động bất thường lớn cho Công ty, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị để xử lý chỉ đạo.

c. Cung cấp tài liệu theo yêu cầu: Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp tài liệu thì sẽ gửi yêu cầu theo Biểu mẫu 01/BM-HĐQT-SSC (ban hành kèm theo Quy chế này) cho thư ký Hội đồng quản trị.

Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi yêu cầu cho Tổng Giám đốc và gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để biết. Thời gian cung cấp tài liệu trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không cung cấp tài liệu hoặc cung cấp không đúng thời gian trên thì Tổng Giám đốc phải có ý kiến phản hồi bằng văn bản trong vòng 03 ngày làm việc nói rõ lý do và thời gian sẽ cung cấp, đồng thời thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết thông qua thư ký Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Tổng Giám đốc nhưng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và giải quyết kịp thời các kiến nghị, các đề xuất giải pháp xử lý của Tổng Giám đốc nhằm đáp ứng nhanh chóng hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát Công ty, đồng thời trao đổi với Hội đồng quản trị các báo cáo, kết luận và kiến nghị trước khi trình ra Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 23. Mối quan hệ với Người đại diện của Công ty tại Công ty con

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền cử Người đại diện của Công ty (bao gồm người đại diện vốn và người được cử tham gia Ban kiểm soát) tại công ty con theo quy chế hoạt động Người đại diện của Công ty tại Công ty con.
2. Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Công ty con thông qua Người đại diện. Việc giám sát thực hiện phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định của Công ty con.
3. Công ty con thông qua Người đại diện để trình báo Công ty các đề xuất, kiến nghị và giải pháp xử lý trong hoạt động của Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật thì Hội đồng quản trị đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được ưu tiên áp dụng.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm 7 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Biểu mẫu-01/BM-HDQT-SSC: Mẫu yêu cầu cung cấp thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Tên thành viên Hội đồng quản trị:
Đại diện cho tổ chức:
CMND/CCCD: cấp ngày: Nơi cấp
Số điện thoại: Email

Theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, tôi/chúng tôi đề nghị Tổng Giám đốc cung cấp cho tôi/chúng tôi những hồ sơ tài liệu sau đây để thực hiện nhiệm vụ của mình:

- Tên tài liệu, hồ sơ:
- Mục đích:

Tôi/chúng tôi cam kết các hồ sơ được yêu cầu cung cấp trên sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho quyền lợi Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như trên; CT.HĐQT (để báo cáo)
- Lưu: VT.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Số: 20 /TTr-HĐQT-SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2016-2021) và thông qua số lượng, danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026) của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn;

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên ngày 28/04/2016 nhiệm kỳ III (2016-2021) đã bầu 05 thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và 03 thành viên Ban Kiểm soát (BKS). Nhân sự thành viên HĐQT và BKS trong nhiệm kỳ có thay đổi theo từng thời điểm.

Đến thời điểm hiện tại, danh sách các thành viên của HĐQT và BKS nhiệm kì III (2016-2021) gồm có:

TT	Họ tên	Quốc tịch	Chức danh	Ngày tham gia	Đại diện cổ đông, hoặc nhóm cổ đông
I	**HĐQT**				
1	Ông Trần Thiện	Việt Nam	Chủ tịch HĐQT	28/11/2016	Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu (GLS)
2	Ông Phạm Văn Hưởng	Việt Nam	Thành viên	20/3/2019	Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (SAMCO)
3	Ông Bùi Viết Phú	Việt Nam	Thành viên	26/7/2018	GLS
4	Ông Lê Minh	Việt Nam	Thành viên	09/4/2019	SAMCO
5	Bà Huỳnh Như Ý	Việt Nam	Thành viên	26/7/2018	SAMCO
II	**Ban kiểm soát**				
1	Ông Đỗ Đức Tuấn	Việt Nam	Trưởng ban	26/7/2018	GLS
2	Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Việt Nam	Thành viên	26/7/2018	SAMCO
3	Bà Dương Thị Kim Kiều	Việt Nam	Thành viên		SAMCO

Theo Luật Doanh nghiệp và qui định của Điều lệ Công ty, tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ III (2016-2021) của HĐQT và BKS, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kì IV (2021 – 2026).

Trên cơ sở kết quả tập hợp danh sách nhân sự được đề cử của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông, gồm có:

1. Tổng Công ty Cơ khí GTVT SG TNHH MTV (nắm giữ 51% tổng số Cổ phần Công ty)
2. Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu (nắm giữ 37,42% tổng số Cổ phần Công ty)

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2016-2021), gồm các Ông/Bà:
   - Ông Bùi Viết Phú – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2021).
   - Bà Đoàn Thị Giao Thuyết – Thành viên BKS nhiệm kỳ III (2016-2021)
2. Thông qua số lượng, danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026) như sau:
   - Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
   - Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 03 thành viên
   - Danh sách ứng viên được đề cử thành viên HĐQT, BKS:

TT	Họ tên	Quốc tịch	Năm sinh	Đại diện cổ đông, hoặc nhóm cổ đông	Lý lịch trích ngang
I	**HĐQT**				đính kèm
1	Ông Trần Thiện	Việt Nam	1977	GLS	
2	Ông Nguyễn Văn Long	Việt Nam	1976	GLS	
3	Ông Lê Minh	Việt Nam	1963	SAMCO	
4	Ông Phạm Văn Hưởng	Việt Nam	1984	SAMCO	
5	Bà Huỳnh Như Ý	Việt Nam	1986	SAMCO	
II	**BKS**				
1	Ông Đỗ Đức Tuấn	Việt Nam	1973	GLS	
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Việt Nam	1991	SAMCO	
3	Bà Dương Thị Kim Kiều	Việt Nam	1992	SAMCO	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS
- Lưu: VT, hồ sơ đại hội

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300424088 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

TRẦN THIỆN

Biểu mẫu 03: Dành cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thay thế thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2021

GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ IV (2021-2026)

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Kính gửi:

- **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn,**
- **Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn,**

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn gồm:

STT	Họ và tên CĐ	Số CMND/Số GĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký
1	Tổng Công ty Cơ khí giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV		7.354.200	51%	

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Tôi trân trọng đề cử:

1. Ông: Lê Minh

Ngày sinh: 09/01/1963 Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 3/6 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Số CMND/Hộ chiếu: 022183403 Ngày Cấp: 08/11/2006 Nơi cấp: CA.TP.HCM

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Tổ chức và quản lý vận tải

Giữ chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026)

2.Ông: Phạm Văn Hưởng

Ngày sinh: 30/10/1984 Nơi sinh: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 407 Lô A6 C/c Thạnh Mỹ Lợi, Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.HCM

Số CMND/Hộ chiếu: 036084004469 Ngày Cấp: 24/04/2018

Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKDL Cư trú và DLQG về dân cư

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Kế toán

Giữ chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026)

3. Bà Huỳnh Như Ý

Ngày sinh: 11/11/1986 Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 370/10 Hòa Hảo, Phường 5, Quận 10, TP.HCM

Số CMND/Hộ chiếu: 023910318 Ngày Cấp: 10/11/2009

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Luật

Giữ chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026)

Tôi cam đoan Ông Lê Minh, Ông Phạm Văn Hưởng và bà Huỳnh Như Ý có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Trân trọng./.

TM. CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC TOẢN

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lí lịch do người được đề cử tự khai (mẫu 5)
2. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử)
3. Bản sao hợp lệ giấy tờ tùy thân (Thẻ căn cước công dân, CMND/hộ chiếu), Hộ khẩu thường trú/giấy đăng ký tạm trú và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của ứng viên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU 5

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa) : Lê Minh Nam - Nữ : Nam
- Họ và tên thường dùng : Lê Minh
- Sinh ngày : 09 tháng 01 .năm 1963
- Nơi sinh : Hà Nội
- Nguyên quán : Đa Sĩ – Hà Đông – Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3/6 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Chỗ ở hiện nay 3/6 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0983716528
- Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không
- Số chứng minh :022183403 cấp ngày 08/11/2006 nơi cấp: CA. Tp Hồ Chí Minh
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân):
  Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV.
  Địa chỉ: 262 -264 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm):

Tên Trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian học	Văn bằng, chứng chỉ
Đại học sư phạm Kỹ thuật	Điện kỹ thuật	1984	Cử nhân
Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quảng trị kinh doanh	1996	Cử nhân
Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ngoại ngữ B	12/11/1995	Chứng chỉ
Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức và quản lý vận tải	2014	Thạc sĩ
Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh	Môn học sau đại học: môn Anh văn	04/11/2012	Chứng chỉ

Học viện chính trị - Hành chính khu vực II	Cao cấp lý luận chính trị - hành chính	08/2011 – 03/2013	Bằng tốt nghiệp

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính:

Đơn vị	Chức danh	Thời gian
Công ty Vận tải biển Sài Gòn	Thợ điện	12/1984 – 04/1992
Công ty Vận tải biển Sài Gòn	Nhân viên phòng kinh doanh	05/1992 – 03/1993
Công ty Vận tải biển Sài Gòn	Chuyên viên	04/1993 – 09/1996
Công ty TNHH Korea Express Saigon Logistics	Phó tổng giám đốc	10/1996-10/2005
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Trưởng bãi Container	11/2005 – 12/2006
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	P.Giám đốc trung tâm kho vận	01/2007 -08/2009
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Phó Tổng giám đốc	09/2009 - nay

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại Công ty và các tổ chức khác:
Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ Phần vận tải biển Sài Gòn
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

- Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật, và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.
- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm2021

Người khai

Lê Minh

Xác nhận của địa phương
nơi đăng ký hộ khẩu
hoặc Cơ quan đang công tác

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ

NHÂN NGỌC DŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa): PHẠM VĂN HƯỞNG Nam - Nữ: Nam
- Họ và tên thường dùng: PHẠM VĂN HƯỞNG
- Sinh ngày: 30 tháng 10 năm 1984
- Nơi sinh: Nam Tiến - Nam Trực - Nam Định
- Nguyên quán: Nam Tiến - Nam Trực - Nam Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 407 Lô A6 C/c Thạnh Mỹ Lợi, Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Chỗ ở hiện nay: B305, Chung cư Parc Spring, 537 Đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0905406812
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Số chứng minh: 036084004469 cấp ngày: 24/04/2018

  Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

  Cổ đông: Tổng Công ty Cơ khi Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH Một thành viên (SAMCO)

  Địa chỉ: 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm:

Tên Trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian học	Văn bằng, chứng chỉ
Đại học Kinh tế - TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	2005 đến 2008	Bằng cử nhân
Đại học Kinh tế - TP. Hồ Chí Minh	Bồi dưỡng kế toán trưởng	02/04/2010 đến 01/10/2010	Chứng chỉ

Trung tâm đào tạo Vietsourcing	Khóa học Hợp nhất báo cáo tài chính	11/12/2016	Chứng nhận
Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật công nghiệp II	Ngoại ngữ trình độ B	30/12/2007	Chứng chỉ
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tin học ứng dụng trình độ A	31/08/2008	Chứng chỉ

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính:

Đơn vị	Chức danh	Thời gian
Tổng Công ty sản xuất Hàng Tiêu Dùng Bình Tiên (Bitis)	Kiểm soát viên nội bộ	06/2009 đến 08/2009
Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng tại TP. Hồ Chí Minh	Kế toán tổng hợp	09/2009 đến 04/2010
Chi nhánh Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH MTV – XN Đầu tư Xây dựng Đô Thành (Csamco)	Chuyên viên kế toán	05/2010 đến 07/2010
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH MTV	Chuyên viên kế toán	08/2010 đến 05/2014
Chi nhánh Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH MTV – XN Dịch vụ Ô tô Isuzu An Lạc	Trưởng phòng Tài chính kế toán	06/2014 đến 06/2016
Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH MTV	Trưởng bộ phận kế toán	07/2016 đến 04/2017
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Kế toán trưởng	05/2017 đến 03/2019
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Tổng Giám đốc	04/2019 đến nay
Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	Thành viên Hội đồng quản trị	04/2019 đến nay
Công ty CP Saigonship Đà Nẵng	Tổng Giám đốc	05/2019 đến nay

Công ty CP Saigonship Đà Nẵng	Thành viên Hội đồng quản trị	06/2020 đến nay
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Thành viên Hội đồng thành viên	12/2020 đến nay

Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại Công ty và các tổ chức khác:
04/2019 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận tải biển Sài Gòn
04/2019 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn
05/2019 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng
06/2020 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng.
12/2020 – nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh.

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

.....

4. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

- Tôi, Phạm Văn Hưởng cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2021

Xác nhận của địa phương nơi đăng ký hộ khẩu hoặc Cơ quan đang công tác

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ

NHÂN NGỌC DŨNG

Người khai

Phạm Văn Hưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa) HUỲNH NHƯ Ý Nam - Nữ: Nữ
- Họ và tên thường dùng: Huỳnh Như Ý
- Ngày, tháng, năm sinh: 11/11/1986
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- Nguyên quán: Quảng Đông, Trung Quốc
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 370/10 Hòa Hảo, Phường 5, Quận 10, TP.HCM
- Chỗ ở hiện nay: 370/10 Hòa Hảo, Phường 5, Quận 10, TP.HCM
- Điện thoại: 0938991501
- Dân tộc: Hoa
- Số chứng minh: 023910318 cấp ngày 10/11/2009 Nơi cấp: CA.TP.HCM
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

  Cổ đông: Tổng Công ty Cơ khi Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH Một thành viên (SAMCO)

  Địa chỉ: 262-264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

Tên trường/ trung tâm đào tạo	Ngành học	Thời gian đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ
Khoa Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP.HCM	Luật Thương mại Quốc tế	2005-2009	Cử nhân Luật
Đại học Kinh tế Luật TP.HCM	Luật Kinh tế	2010-2012	Thạc sỹ Luật
Đại học Kinh tế TPHCM	Kiểm soát nội bộ	2010	Chứng chỉ
VCCI	Kiểm soát nội bộ	2013	Chứng chỉ
Đại học Kinh tế	Quản trị	2019-2021	Cử nhân kinh tế (đang theo học)

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Tháng 09/2009-07/2017: Chuyên viên Pháp chế Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.
- Tháng 07/2017-nay: Trưởng bộ phận Pháp chế Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV
- Tháng 05/2015-03/2021: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV.
- Tháng 04/2014- 07/2018: Thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.
- Tháng 07/2018-nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.
- Tháng 11/2018-nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh giao nhận kho vận Bình Minh.
- Tháng 05/2019- nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng.

4. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

- Tôi, Huỳnh Như Ý, cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật, và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.
- Tôi, Huỳnh Như Ý, cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

TP. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2021

Xác nhận của địa phương
nơi đăng ký hộ khẩu
hoặc Cơ quan đang công tác

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ

NHÂN NGỌC DŨNG

Người khai

Huỳnh Như Ý

Biểu mẫu 03: Dành cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thay thế thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2021

GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2021-2026

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Kính gửi:

- **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn,**
- **Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn,**
-

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn gồm:

STT	Họ và tên CĐ	Số CMND/Số GĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký
1	Công ty TNHH Dịch vụ tiếp vận Toàn Cầu	0304995011	5.396.354	37.42%	

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Tôi/Chúng tôi trân trọng đề cử:

1. Ông: Trần Thiện
   - Ngày sinh: 20-04-1977 Nơi sinh: Hải Phòng
   - Địa chỉ thường trú: A71 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
   - Số CMND/Hộ chiếu: 023596753 Ngày Cấp:12-10-2011. Tại: TP. Hồ Chí Minh
   - Trình độ học vấn: Thạc sỹ Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh
   - Giữ chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026).
2. Ông: Nguyễn Văn Long.
   - Ngày sinh:20-10-1976 Nơi sinh : Thái Bình
   - Địa chỉ thường trú:Tổ 27, KP5, Phường Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai
   - Số CMND/Hộ chiếu: 272179162 Ngày Cấp:16-03-2019. Tại: Đồng Nai
   - Trình độ học vấn: Đại Học Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực.
   - Giữ chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026).

Biểu mẫu 03: Dành cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thay thế thành viên HĐQT

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông Trần Thiện và Ông Nguyễn Văn Long có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Trân trọng./.

TM. CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIẾP VẬN TOÀN CẦU GLS MSDN: 0304995011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thiện

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lí lịch do người được đề cử tự khai (mẫu 5)
2. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử)
3. Bản sao hợp lệ giấy tờ tùy thân (Thẻ căn cước công dân, CMND/hộ chiếu), Hộ khẩu thường trú/giấy đăng ký tạm trú và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của ứng viên.

TIẾP VẬN TOÀN CẦU GLS 5011

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa) TRẦN THIỆN Nam - Nữ: Nam
- Họ và tên thường dùng: Trần Thiện
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/04/1977
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Nguyên quán: Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A71 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
- Chỗ ở hiện nay: S26-28, Đường số 1, Khu Him Lam Kinh Tẻ, P. Tân Hưng, Q.7, TP.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Số chứng minh: 023596753 cấp ngày 12/10/2011 Nơi cấp: CA.TP.HCM

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

Tên trường/ trung tâm đào tạo	Ngành học	Thời gian đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ
Đại học Hàng Hải	Kinh tế vận tải biển	1993-1998	Đại học
Đại học Nam Columbia tại Việt Nam	Quản trị Kinh doanh	2002-2004	Thạc sỹ

Các khóa đào tạo nâng cao khác:

- Khóa học Đào tạo quản lý – Innovation Management for Asia – tại Nhật Bản
- Khóa học Quản lý – Fit for Partnership with Germany – tại Đức
- Các khóa học ngắn hạn khác tại Hongkong, Singapore, Thái Lan về kỹ năng và quản trị kinh doanh.

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 2001-2006: Quản lý kinh doanh – Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam.
- 2007-2012: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải viễn dương VINASHIN.
- 2012-nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn cầu.
- 2017-03/2019: Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn

- 04/2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn
- Tháng 11/2018-nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh giao nhận kho vận Bình Minh.

4. CAM KẾT

- Tôi, Trần Thiện, cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người khai

Trần Thiện

Xác nhận của địa phương nơi đăng ký hộ khẩu hoặc Cơ quan đang công tác

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIẾP VẬN TOÀN CẦU GLS MSDN: 0304995011

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa) NGUYỄN VĂN LONG Nam - Nữ: Nam
- Họ và tên thường dùng: Nguyễn Văn Long
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/10/1976
- Nơi sinh: Thái Bình
- Nguyên quán: Thái Bình
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 27, KP 5, P.Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai
- Chỗ ở hiện nay: Tổ 27, KP 5, P.Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai
- Dân tộc: Kinh
- Số chứng minh: 272179162 cấp ngày 16/03/2019 Nơi cấp: Đồng Nai

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

Tên trường/ trung tâm đào tạo	Ngành học	Thời gian đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ
Đại học Kinh Tế Quốc Dân.	Quản trị nguồn nhân lực	1994-1998	Đại học

Các khóa đào tạo nâng cao khác:
- Khóa học Đào tạo Giám đốc nhân sự – tại trường doanh nhân Pace
- Khóa học Kinh doanh cao cấp tại VJCC
- Các khóa học ngắn hạn khác tại VJCC; Pace; MTC

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 1999-2004: Tổ trưởng; Quản đốc xưởng sản xuất – Công ty chế biến xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm Đồng Nai.
- 2005-2017: Chuyên viên, Trưởng Phòng; Giám đốc nhân sự Công ty CP bao bì Biên Hòa.
- 2018- 2019: Trợ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn cầu.
- 2020 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn cầu.

4. CAM KẾT

- Tôi, Nguyễn Văn Long, cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Xác nhận của địa phương
nơi đăng ký hộ khẩu
hoặc Cơ quan đang công tác

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIẾP VẬN TOÀN CẦU
GLS
MSDN: 0304995011

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Trần Thị Phương Thảo

Người khai

Nguyễn Văn Long

TIẾP VẬN TOÀN CẦU
LS
4995011

Biểu mẫu 04: Dành cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thay thế Kiểm soát viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2021

GIẤY ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ IV (2021-2026)

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Kính gửi:

- **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn,**
- **Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn,**

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn gồm:

STT	Họ và tên CĐ	Số CMND/Số GĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký
1	Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV		7.354.200	51%	

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Tôi trân trọng đề cử Ông/Bà:

1. Bà: DƯƠNG THỊ KIM KIỀU

Ngày sinh: 18/07/1992 Nơi sinh: Phú Yên

Địa chỉ thường trú: 1502/8/52 Nguyễn Duy Trinh, Khu phố Tam Đa, Phường Long Trường, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM

Số CMND/Hộ chiếu: 221340350 Ngày Cấp: 08/03/2010 Nơi cấp: CA Phú Yên

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Tài chính và Vận tải biển quốc tế

Giữ chức vụ: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026)

2. Bà: NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG

Ngày sinh: 13/08/1991 Nơi sinh: Đồng Nai

Địa chỉ thường trú: 24/6 Cách mạng Tháng Tám, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số CMND/Hộ chiếu: 272259354 ngày cấp: 09/06/2008 Nơi cấp: CA Đồng Nai

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng

Giữ chức vụ: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026)

Biểu mẫu 04: Dành cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thay thế Kiểm soát viên BKS

Tôi cam đoan Bà Dương Thị Kim Kiều và Bà Nguyễn Thị Huyền Trang có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí Kiểm soát viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Trân trọng./.

TM. CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC TOẢN

Hồ sơ kèm theo:
1. Sơ yếu lí lịch do người được đề cử tự khai (mẫu 5)
2. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử)
3. Bản sao hợp lệ giấy tờ tùy thân (Thẻ căn cước công dân, CMND/hộ chiếu), Hộ khẩu thường trú/giấy đăng ký tạm trú và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của ứng viên.

Biểu mẫu 05: Sơ yếu lí lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa): DƯƠNG THỊ KIM KIỀU Nam - Nữ: Nữ
- Họ và tên thường dùng: DƯƠNG THỊ KIM KIỀU
- Sinh ngày 18 tháng 07 năm 1992
- Nơi sinh: Xã Hòa Quang Nam, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Nguyên quán: Xã Hòa Quang Nam, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1502/8/52 Nguyễn Duy Trinh, khu phố Tam Đa, phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
- Chỗ ở hiện nay: Phòng 17.06 Khối D, Lô R7, Chung cư 38,4ha, phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
- Điện thoại 0376708779
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Số chứng minh: 221340350 - Cấp ngày 08/03/2010 - Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Yên
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

  Cổ đông: Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV

  Địa chỉ: 262-264 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

STT	Trường	Khóa học	Thời gian	Bằng cấp
1	University of Nantes (Nantes, Pháp) và Trường ĐH Ngoại Thương Tp.HCM (Tp. HCM, Việt Nam)	Finance and International Business	Từ 08/2015 đến 10/2017	Bằng thạc sĩ
2	Trường ĐH Ngoại Thương Tp.HCM (Tp. HCM, Việt Nam)	Kinh tế đối ngoại	Từ 09/2010 đến 09/2014	Bằng cử nhân
3	Đại học Kinh tế Tp.HCM (Tp. HCM, Việt Nam)	Kế toán doanh nghiệp và khai báo thuế	Từ 09/2018 đến 01/2019	Chứng chỉ kế toán doanh nghiệp và khai báo thuế

4	Đại học Sư phạm Tp.HCM (Tp. HCM, Việt Nam)	IELTS	Từ 01/2015 đến 06/2015	Chứng chỉ IELTS
5	Trường CĐ Tài chính Hải quan (Tp. HCM, Việt Nam)	Nghiệp vụ Khai hải quan	Từ 01/2016 đến 05/2016	Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan
6	Đại học Kinh tế Tp.HCM (Tp. HCM, Việt Nam)	Chuyên viên quản trị kinh doanh	Từ 05/2015 đến 10/2015	Chứng chỉ Quản trị kinh doanh
7	Đại học Khoa học Tự nhiên Tp.HCM (Tp. HCM, Việt Nam)	Tin học ứng dụng trình độ B	Từ 06/2013 đến 09/2013	Chứng chỉ Tin học trình độ B

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính:

STT	Đơn vị	Chức danh	Thời gian
1	Công ty TNHH MC Trans Việt Nam	Nhân viên chứng từ	Từ 05/2014 đến 05/2015
2	Công ty TNHH Thành Minh Phạm	Nhân viên chứng từ	Từ 05/2017 đến 05/2018
3	Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn	Trợ lý Tổng giám đốc	Từ 06/2018 đến 02/2019
		Nhân viên đại lý	Từ 02/2019 đến nay

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại Công ty và các tổ chức khác: Nhân viên Đại lý – Bộ phận Đại lý tàu biển, Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có): lao động tiên tiến cấp Tổng Công ty năm 2020.

4. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

- Tôi, Dương Thị Kim Kiều cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật, và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.
- Tôi, Dương Thị Kim Kiều cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..13...tháng 04.năm 2021

Xác nhận của địa phương
nơi đăng ký hộ khẩu
hoặc Cơ quan đang công tác

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ

NHÂN NGỌC DŨNG

Người khai
(ký tên)

Dương Thị Kim Kiều

Biểu mẫu 05: Sơ yếu lí lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. BẢN THÂN

- Họ và tên (chữ in hoa) NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG Nam/Nữ : Nữ
- Họ và tên thường dùng: NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
- Sinh ngày 13 tháng 08 năm 1991
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Nguyên quán: Đồng Nai
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 24/6 CMT8, Phường Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai
- Chỗ ở hiện nay: Căn hộ B.10-14, Chung cư Imperial Palace, 629 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0933.677.587
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Số chứng minh: 272259354 cấp ngày 09/6/2008 nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân): Không

  Cổ đông: /

  Địa chỉ: /

2. TRÌNH ĐỘ:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm):

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
Đại học Kinh tế TP.HCM	Cử nhân Luật	Từ 8/2016 đến 8/2018	Chính quy	Cử nhân Luật Kinh doanh
Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính – Ngân hàng	Từ 9/2015 đến 8/2017	Chính quy	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính – Ngân hàng	Từ 9/2009 đến 6/2013	Chính quy	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán trưởng doanh nghiệp	Từ ngày 09/07/2018 đến ngày 14/11/2018	Ngắn hạn	Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng
Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Quận 5	/	/	/	Giấy xác nhận trình độ Sơ cấp Lý luận Chính trị
Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Tin học Văn phòng	2012	Ngắn hạn	Chứng chỉ bồi dưỡng Tin học văn phòng Trình độ B
Đại học Sư phạm TP.HCM	Tiếng Anh	2013	Ngắn hạn	Chứng chỉ bồi dưỡng Tiếng Anh trình độ B

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	**Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)**
Từ 3/2014 đến 10/2016	Chức danh: Kế toán kho Đơn vị công tác : Công ty TNHH Bến Thành - RSC
Từ 3/2017 đến 5/2017	Chức danh: Kế toán thanh toán Đơn vị công tác : Công ty TNHH Urban Kitchen and Lounge
Từ 3/2017 đến 5/2017	Chức danh: Kế toán thanh toán Đơn vị công tác : Công ty TNHH Giải Trí Sapphire
Từ 9/2017 đến hiện nay	Chức danh: Chuyên viên Tài chính Đơn vị công tác : Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH Một Thành viên
Từ 3/2019 đến hiện nay	Chức danh: Chuyên viên Tài chính + Kiểm soát viên không chuyên trách Đơn vị công tác: Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH Một thành viên + Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có): Không

4. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

- Tôi, Nguyễn Thị Huyền Trang cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật, và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.
- Tôi, Nguyễn Thị Huyền Trang cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

TP.HCM, ngày 12 tháng 4 năm 2021

Xác nhận của địa phương nơi đăng ký hộ khẩu hoặc Cơ quan đang công tác

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NHÂN SỰ

NHÂN NGỌC DŨNG

Người khai
(ký tên)

Nguyễn Thị Huyền Trang

Biểu mẫu 04: Dành cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thay thế Kiểm soát viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2021

GIẤY ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026
CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Kính gửi:

- **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn.**
- **Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn.**

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn gồm:

STT	Họ và tên CĐ	Số CMND/Số GĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký
1	Công ty TNHH Dịch vụ tiếp vận Toàn Cầu	0304995011	5396354	37.42%	

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Tôi/Chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông: Đỗ Đức Tuấn

- Ngày sinh: 06/08/1973 Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Nhà 15 TT Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 011767670 Ngày Cấp: 09-05-2013 Tại : TP. Hà Nội
- Trình độ học vấn: Đại Học Chuyên ngành Kế Toán
- Giữ chức vụ: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn nhiệm kỳ IV (2021-2026).

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông Đỗ Đức Tuấn có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí Kiểm soát viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Trân trọng./.

TM. CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thiện

Hồ sơ kèm theo:
1. Sơ yếu lí lịch do người được đề cử tự khai (mẫu 5)
2. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dành cho ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026)

1. BẢN THÂN

- Họ và tên ĐỖ ĐỨC TUẤN Giới tính: Nam
- Họ và tên thường dùng: Đỗ Đức Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 06/08/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Nguyên quán: Hưng Yên
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 15, Tập thể Chương Dương, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: Phòng 2301, NO3-T4, Khu đô thị Đoàn ngoại giao, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0913.04.9229 Email: ductuancpa@gmail.com
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam
- Số thẻ căn cước công dân/Số CMND: 011767670
- Cấp ngày: 09/5/2013 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Kế toán
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân):

  Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu

  A71 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TPHCM

  Tỷ lệ vốn góp đại diện: 37,42%

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm):

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Đại học	Kế toán	1996	1992-1996	Trường ĐH Tài chính Kế toán (Học viện Tài chính)

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- Quá trình công tác (*liệt kê theo thứ tự thời gian các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này*):

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
T8/1996-T01/2001	Công ty Dịch vụ Tài chính Kế toán và Kiểm toán – Bộ Tài chính (AASC)	Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên
T02/2001-T10/2005	Công ty Kiểm toán và Tư vấn – Bộ Tài chính (A&C)	Kiểm toán viên – Trưởng phòng Chi nhánh Hà Nội
T11/2005-T9/2006	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long T.D.K	Kiểm toán viên
T10/2006 – T11/2011	Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	Trưởng phòng, Phó Trưởng Ban, Trưởng Ban
T12/2011 – T6/2012	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long T.D.K	Kiểm toán viên - Phó Giám đốc
T7/2012 - nay	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế PNT	Kiểm toán viên - Phó Giám đốc
T6/2017 - nay	Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	Trợ lý Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức ứng cử: Trưởng Ban kiểm soát.
- Các chức vụ đang nắm giữ là thành viên Hội đồng quản trị/ Kiểm soát viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác tại các tổ chức khác (*nếu có - liệt kê theo thứ tự thời gian các đơn vị công tác, mã số doanh nghiệp và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này*):
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có): .....
- Thành tích (nếu có):

  .....
- Thông tin số cổ phần tại Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn của những người có liên quan đến ứng viên (theo quy định những người có liên quan là những đối tượng sau: cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân):

Stt	Họ và tên	Số thẻ căn cước công dân/Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1					
2					
3					
...					

4. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

- Tôi, Đỗ Đức Tuấn cam kết những lời khai trên là chính xác, đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.
- Nếu được bầu chọn, Tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình theo qui định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tp HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Ứng cử viên

Hồ sơ đính kèm: *Bản sao hợp lệ*

1. *Giấy tờ tùy thân (Thẻ căn cước công dân, CMND/ hộ chiếu);*
2. *Hộ khẩu thường trú;*
3. *Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;*

Đỗ Đức Tuấn

Xác nhận của địa phương nơi đăng ký hộ khẩu hoặc Cơ quan đang công tác

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TIẾP VẬN TOÀN CẦU GLS MSDN: 0304995011

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

VẬN TOÀN CẦU

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO NĂM 2020 VÀ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2016-2021
Trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Kính trình: ***Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn***

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (dưới đây gọi là "Điều lệ của Công ty" hoặc "Điều lệ");
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Quy chế hoạt động");

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty" hay "SSC") nhiệm kỳ 2016-2021 ("Ban kiểm soát") xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về hoạt động năm 2020 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 các nội dung sau:

A. HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. Nhân sự Ban kiểm soát năm 2020:

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 hoạt động trong năm 2020 gồm:

- Ông Đỗ Đức Tuấn - Trưởng Ban
- Bà Đoàn Thị Giao Thuyết - Thành viên
- Bà Nguyễn Thùy Dương - Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/06/2020)
- Bà Dương Thị Kim Kiều - Thành viên (được bầu ngày 19/06/2020)

II. Tình hình hoạt động

Trong năm kế hoạch 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động. Cụ thể:

1. Ban hành kế hoạch kiểm soát năm 2020 gửi tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty;
2. Tổ chức kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
3. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị khi được yêu cầu; Tham gia góp ý các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định quản trị nội bộ của Công ty; Tổ chức kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính, kế toán và công tác kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 và năm 2020 của Công ty.

5. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Các Quyết định điều hành của Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
6. Thẩm tra Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp năm 2020 (06 tháng và cả năm) của Công ty đã được kiểm toán hoặc soát xét;
7. Soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (sửa đổi, bổ sung) theo hướng dẫn tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Thông tư số 166/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.
8. Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

III. Kết quả hoạt động:

1. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; Giám sát quản lý Người đại diện vốn.

Do năm 2020 là năm cuối của nhiệm kỳ, kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không trình bày riêng cho năm 2020 mà được trình bày chung trong phần tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 dưới đây.

2. Về tình hình tài chính, và kết quả kinh doanh:

a. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việc Nam.

Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn là chấp nhận toàn phần: "đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

b. Thẩm định Báo cáo tài chính:

Ban kiểm soát không có đề xuất điều chỉnh đối với số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này và xác nhận số liệu tài chính trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 trình Đại Hội đồng cổ đông đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu với các số liệu tổng hợp như sau: *(triệu đồng)*

TT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất		Báo cáo tài chính riêng	
A	**Tình hình tài chính**	**31/12/2020**	**01/01/2020**	**31/12/2020**	**01/01/2020**
I	**Tổng Tài sản**	**231.807**	**235.493**	**214.771**	**212.462**
1	Tài sản ngắn hạn	137.511	154.625	97.988	143.166
2	Tài sản dài hạn	94.296	80.868	116.783	69.296
II	**Tổng nguồn vốn**	**231.807**	**235.493**	**214.771**	**212.462**
1	Nợ phải trả	34.585	45.894	27.980	33.398
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	197.222	189.599	186.791	179.064
B	**Kết quả kinh doanh**	**Năm 2020**	**Năm 2019**	**Năm 2020**	**Năm 2019**
1	Tổng doanh thu kinh doanh	181.653	137.908	89.012	83.655
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	31.142	21.607	30.773	24.244
	Của Công ty mẹ	*30.492*	*22.370*	*30.773*	*24.244*
	Của cổ đông không kiểm soát	*650*	*452*		
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.013	1.450		
C	**Chỉ tiêu phân tích**				
1	Hệ số nợ	14,92%	19,49%	13,03%	15,72%
2	Hệ số nợ phải trả	17,54%	24,21%	14,98%	18,65%
3	TS LNST của Công ty mẹ/Vốn Điều lệ	21,18%	15,53%	21,37%	16,84%

Nhận xét:

+ Tình hình tài chính của Công ty ổn định và lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn;

+ Công ty hoàn thành và vượt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

c. Đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2020 theo từng bộ phận

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (triệu đồng)		Thực hiện (triệu đồng)			
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu		Lợi nhuận	
				Giá trị	%/KH	Giá trị	%/KH
A.	**Hoạt động kinh doanh chính**	**93.247**	**26.305**	**89.012**	**95,46%**	**30.250**	**115,00%**
I	***Tại Trụ sở Công ty***	***77.307***	***26.150***	***82.063***	***106,15%***	***31.640***	***120,99%***
1	Đại lý tàu biển	2.892	673	2.687	92,92%	529	78,65%
2	Dịch vụ giao nhận	8.500	77	2.811	33,07%	(1.222)	-1579,40%
3	Trung tâm kho/bãi	64.966	24.851	75.386	116,04%	31.601	127,16%
4	Cho thuê văn phòng	949	549	1.179	124,17%	732	133,20%
II	***Tại Chi nhánh***	***15.940***	***155***	***6.949***	***43,59%***	***(1.390)***	***-895,11%***
1	Chi nhánh Cần Thơ	250	3	134	53,47%	(148)	-5908,62%
2	Chi nhánh Hải Phòng	15.089	95	6.212	41,17%	(1.220)	-1287,19%
3	Chi nhánh Quy Nhơn	601	58	603	100,36%	(22)	-38,17%
B	**Hoạt động tài chính**	**9.211**	**9.201**	**13.059**	**141,78%**	**13.052**	**141,85%**
C	**Chi phí quản lý**		**(6.979)**			**(8.381)**	
D	**Hoạt động khác**	**10**	**5**	**119**		**65**	
	Tổng cộng	**102.468**	**28.532**	**102.190**	**99,73%**	**34.986**	**122,62%**
E	**Tổng lãi, lỗ trước thuế**	**102.468**	**28.532**	**102.190**	**99,73%**	**34.986**	**122,62%**
F	Tổng lãi, lỗ sau thuế		23.748			30.773	129,58%
G	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ		16,47%			21,34%	

Nhận xét:

Tuy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung hoàn thành kế hoạch, có hiệu quả và tăng trưởng nhưng chủ yếu từ hoạt động kho bãi; Các bộ phận, chi nhánh khác chưa hoàn thành kế hoạch, chưa hiệu quả hoặc hiệu quả chưa cao; một số bộ phận, chi nhánh bị lỗ như Phòng Dịch vụ Logistics (Dịch vụ giao nhận) và các chi nhánh Hải Phòng, Cần thơ, Quy Nhơn.

d. Về đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác:

Tình hình vốn góp và tỷ lệ sở hữu vốn tại các đơn vị khác như sau:

Tên Công ty	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của SSC	
		31/12/2019	31/12/2020
1. Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	16.035.000.000	62,20%	62,20%
2. Công ty TNHH Liên doanh giao nhận kho vận Bình Minh (JVS)	66.000.000.000	51,00%	100,00%
3. Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Sài Gòn (Đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục phá sản)		51,00%	51,00%

Nhận xét:

Người đại diện vốn đã tuân thủ đúng quy định về chế độ thỉnh thị, chế độ báo cáo Quy chế về Người đại diện của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn trong các công ty con và công ty liên kết ban hành theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT-SSC ngày 30/03/2018.

B. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2016-2021

I. Tuân thủ pháp luật về công bố thông tin:

1. Công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng về tình hình biến động cổ đông lớn, tình hình biến động nhận sự Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, tình hình hoạt động của Công ty đã được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán.

Việc biến động cổ đông lớn, nhân sự Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát được trình bày trong báo cáo này ở các mục dưới đây.

2. Biến động cổ đông lớn:

Tình hình biến động cổ đông lớn trong nhiệm kỳ đã được công bố công khai phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán về công ty đại chúng. Cụ thể như sau:

a. Cổ đông lớn Quỹ đầu tư Bảo Việt (BVIF):

i. Ngày 05/12/2016, BVIF đã mua cổ phần, với tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch là 35,01% và trở thành Cổ đông lớn của Công ty

ii. Ngày 30/12/2016, cổ đông lớn BVIF đã mua cổ phần, nâng tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch lên 36,68%;

iii. Ngày 14/06/2017, cổ đông lớn BVIF đã bán cổ phần, tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch là 0% và không còn là cổ đông lớn của Công ty

b. Cổ đông lớn Trịnh Minh Hiếu:

i. Ngày 14/06/2017, ông Trịnh Minh Hiếu đã mua cổ phần, tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch là 12,87% và trở thành cổ đông lớn của Công ty;

ii. Ngày 16/06/2017, cổ đông lớn Trịnh Minh Hiếu đã mua cổ phần, nâng tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch lên 13,42%;

iii. Ngày 07/11/2017, cổ đông lớn Trịnh Minh Hiếu đã bán cổ phần, tỷ lệ nắm giữ sau giao dịch là 0% và không còn là cổ đông lớn của Công ty.

c. Công đông lớn Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu

i. Ngày 14/06/2017, Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu đã mua cổ phần, tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch là 24% và trở thành cổ đông lớn của Công ty;

ii. Ngày 09/11/2017, cổ đông lớn Công ty TNHH Dịch vụ tiếp vận Toàn Cầu mua cổ phần, nâng tỷ lệ nắm giữ sau giao dịch lên 37,42%.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1. Bà Võ Ngọc Thủy	Trưởng ban	28/04/2016	26/07/2018
2. Ông Đỗ Đức Tuấn	Thành viên	26/07/2018	
3. Ông Bùi Viết Phúc	Thành viên	28/04/2016	26/07/2018
4. Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Thành viên	26/07/2018	
5. Bà Huỳnh Như Ý	Thành viên	28/04/2016	26/07/2018
6. Bà Nguyễn Thùy Dương	Thành viên	26/07/2018	19/06/2020
7. Bà Dương Thị Kim Kiều	Thành viên	19/06/2020	

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động. Cụ thể:

a. Ban hành bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;

b. Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm soát hàng năm gửi tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

c. Tổ chức kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo đúng quy định;

d. Tham gia đầy đủ Đại hội cổ đông thường niên, bất thường của Công ty;

e. Tham dự hoặc cử thành viên đại diện tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị khi được yêu cầu; Tham gia góp ý đối về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị;

f. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng đối với dự thảo các quy định, quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

g. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định quản trị nội bộ của Công ty; Tổ chức kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính, kế toán và công tác kinh doanh hàng năm của Công ty (gồm 06 tháng và cả năm);

h. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Các Quyết định điều hành của Tổng giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;

i. Thẩm tra Báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp hàng năm đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

j. Thẩm định và lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm để trình Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt;

k. Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng;

l. Xem xét việc tuân thủ quy định về báo cáo, việc thỉnh thị của người đại diện vốn tại các đơn vị có vốn góp của Công ty theo Quy chế quản lý người đại diện vốn;

m. Luôn giữ mối quan hệ làm việc thường xuyên với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Giám sát các hoạt động theo tiêu chí tuân thủ pháp luật và Điều lệ của Công ty; Thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị ban hành;

n. Tổ chức họp Ban kiểm soát đầy đủ theo đúng quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Nhận xét, đánh giá:

a. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban kiểm soát đã khẳng định được năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động nhiệm kỳ:

   i. Ban kiểm soát luôn đề cao và đảm bảo tính độc lập, khách quan, lấy lợi ích cổ đông làm tôn chỉ hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật.

   ii. Trong hoạt động thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, trong đó có sai sót, những nguy cơ rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động tài chính, kinh doanh mà Ban kiểm soát phát hiện, nhận thấy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trên có sở đó trao đổi, đề xuất các biện pháp khắc phục. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đánh giá cao về chất lượng và đảm bảo tính thời sự đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

   iii. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chắt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc với mục tiêu hiệu quả hoạt động kiểm soát cả về chất lượng và tiến độ nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động chỉ đạo, điều hành bình thường của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

iv. Đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ được giao và những kết quả đạt được của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ ngoài sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của các thành viên Ban kiểm soát thì góp phần không nhỏ bởi sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và hợp tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc , các phòng ban, bộ phận của Công ty.

v. Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ một khiếu nại hoặc phản ánh nào của cổ đông về hoạt động của Công ty về quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và về điều hành của Tổng giám đốc.

b. Hạn chế:

i. Công tác kiểm soát còn nặng và tập trung chủ yếu về lĩnh vực tài chính, kế toán và công tác phân tích quản trị tài chính, kinh doanh; công tác đánh giá tính tuân thủ trong quản trị và hoạt động chung của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Chưa đi sâu vào công tác kiểm soát hoạt động và đánh giá hiệu quả vận hành trong từng lĩnh vực, công việc cụ thể như: cơ cấu tổ chức bộ máy và quản trị nhân sự; cơ cấu quản trị hoạt động và tổ chức bộ máy kinh doanh nói chung và từng phòng ban, bộ phận nói riêng; cơ cấu quản trị và tổ chức vận hành hoạt động sản xuất của từng bộ phận sản xuất trực tiếp.

ii. Việc triển khai công tác kiểm soát mới chỉ chú trọng thực hiện tại Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn, chưa xây dựng được kế hoạch cụ thể hàng năm trong phối hợp với kiểm soát viên (đại diện của Công ty) để thực hiện kiểm soát trực tiếp tại các Công ty con, Công ty liên doanh có vốn góp của Công ty. Việc đánh giá hoạt động của các công ty này hiện mới chỉ thực hiện thông qua các báo cáo của đại diện vốn.

iii. Các thành viên của Ban kiểm soát làm việc kiêm nhiệm nên việc dành thời gian cho việc đi sâu và thường xuyên trong công tác kiểm soát còn hạn chế.

III. Tình hình tài chính, kinh doanh và đầu tư qua các năm

1. Về tình hình tài chính, kinh doanh

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH					
Chỉ tiêu	**31/12/2016**	**31/12/2017**	**31/12/2018**	**31/12/2019**	**31/12/2020**
1. Tổng Tài sản	**198.746**	**222.117**	**218.254**	**212.461**	**214.771**
1.1 Tài sản ngắn hạn	105.412	148.397	152.062	143.166	97.988
1.2 Tài sản dài hạn	93.334	73.720	66.192	69.295	116.783
2. Tổng nguồn vốn	**198.746**	**222.117**	**218.254**	**212.461**	**214.771**
2.1 Nợ phải trả	26.715	22.750	28.131	33.397	27.980
- Nợ ngắn hạn	*26.538*	*14.573*	*19.954*	*24.395*	*19.131*
- Nợ dài hạn	*177*	*8.177*	*8.177*	*9.002*	*8.849*
2.2 Nguồn vốn chủ sở hữu	172.031	199.367	190.123	179.064	186.791
- Vốn điều lệ	*144.200*	*144.200*	*144.200*	*144.200*	*144.200*
- Vốn khác và thặng dư	*27.831*	*55.167*	*45.923*	*34.864*	*42.591*
3. Số lượng cổ phiếu lưu hành	14.420.000	14.420.000	14.420.000	14.420.000	14.420.000
B. KẾT QUẢ KINH DOANH					
Chỉ tiêu	**Năm 2016**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**
1. Tổng doanh thu	**82.399**	**111.817**	**98.884**	**95.158**	**102.071**
1.1 Doanh thu kinh doanh	*75.366*	*76.090*	*89.419*	*83.656*	*89.012*
1.2 Doanh thu tài chính (*)	*7.033*	*35.727*	*9.465*	*11.502*	*13.059*
2. Lợi nhuận từ kinh doanh	16.989	43.974	22.167	28.950	34.920
Tỷ lệ tăng trưởng	*30,86%*	*158,84%*	*-49,59%*	*30,60%*	*20,62%*
3. Lợi nhuận trước thuế	16.961	44.245	22.543	29.319	34.985
4. Lợi nhuận sau thuế	16.871	43.155	18.426	24.244	30.773
Tỷ lệ tăng trưởng	*26,68%*	*155,79%*	*-57,30%*	*31,57%*	*26,93%*
TS lợi nhuận/Vốn điều lệ	***11,70%***	***29,93%***	***12,78%***	***16,81%***	***21,34%***
5. Lợi nhuận sau thuế kinh doanh (không gồm chuyển nhượng vốn)	*16.186*	*15.937*	*18.383*	*24.206*	*30.707*
Tỷ lệ tăng trưởng	*25,74%*	*-1,54%*	*15,35%*	*31,68%*	*26,86%*
TS lợi nhuận KD/Vốn điều lệ	***11,22%***	***11,05%***	***12,75%***	***16,79%***	***21,29%***
(*) Chi tiết doanh thu tài chính	-	-	-	-	-
- Lãi tiền gửi	*3.050*	*4.336*	*6.313*	*6.057*	*6.945*
- Cổ tức thực nhận từ đầu tư vốn	*3.298*	*4.173*	*3.109*	*5.407*	*6.048*
- Chênh lệch tỷ giá	*685*	*24*	*43*	*38*	*66*
- Lãi chuyển nhượng vốn	-	*27.194*	-	-	-
C. MỘT SỐ CHỈ TIÊU BỔ SUNG					
Chỉ tiêu	**Năm 2016**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**
1. Cổ tức					
- Cổ tức đã trả cho cổ đông	-	*14.420*	*25.229*	*33.396*	*21.376*
- Cổ tức đã trả/cổ phiếu (đồng)		*1.000*	*1.750*	*2.316*	*1.482*
- Tỷ lệ cổ tức/cổ phần		*10,00%*	*17,50%*	*23,16%*	*14,82%*
2. Tiền mặt khả dụng	76.579	100.501	123.330	126.211	79.775
- Tỷ trọng/Tổng tài sản	*38,53%*	*45,25%*	*56,51%*	*59,40%*	*37,14%*
- Tỷ trọng/Vốn chủ sở hữu	*44,51%*	*50,41%*	*64,87%*	*70,48%*	*42,71%*
3. TSCĐ và BĐS thuần	17.475	15.386	8.574	7.081	10.352
- Tỷ trọng/Tổng tài sản	*8,79%*	*6,93%*	*3,93%*	*3,33%*	*4,82%*
- Tỷ trọng/Vốn chủ sở hữu	*10,16%*	*7,72%*	*4,51%*	*3,95%*	*5,54%*

D. CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH					
Chỉ tiêu	**31/12/2016**	**31/12/2017**	**31/12/2018**	**31/12/2019**	**31/12/2020**
1. Khả năng thanh toán tổng quát	7,44	9,76	7,76	6,36	7,68
2. Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,97	10,18	7,62	5,87	5,12
3. Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	15,53%	11,41%	14,80%	18,65%	14,98%
4. Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	46,96%	33,19%	30,33%	32,62%	54,38%
5. Tăng trưởng Tổng tài sản	10,99%	11,76%	-1,74%	-2,65%	1,09%
6. TSCĐ và BĐS/Tổng tài sản	8,79%	6,93%	3,93%	3,33%	4,82%
7. Tăng trưởng TSCĐ và BĐS	-19,08%	-11,95%	-44,27%	-17,41%	46,19%

Nhận xét về tài chính, kinh doanh và rủi ro qua thực hiện kiểm soát:

a. Về báo cáo tài chính hàng năm:

i. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất hàng năm của Công ty đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

ii. Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính hàng năm được đơn vị kiểm toán là *"Trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu"*, không có những nội dung ngoại trừ, lưu ý hoặc ý kiến trái ngược.

b. Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

i. Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Tích cực:

✓ Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm luôn hoàn thành và vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;

✓ Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm có sự tăng trưởng trong đó có sự tăng trưởng nhất định từ hoạt động kinh doanh chính:

+ Năm 2017 lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng đột biến ảnh hưởng bởi hoạt động chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quảng trường Quốc tế với lợi nhuận thuần thu được hơn 27 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty có sự tăng trưởng khá vào các năm từ 2018 đến nay: *năm 2018 tăng 15,35%, năm 2019 tưng 31,68%, năm 2020 tăng 21,29%.*

b) Hạn chế:

✓ Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chưa tương xứng với nguồn lực, năng lực tài chính và tài sản hiện có của Công ty; Phát triển thị trường, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh hạn chế;

✓ Hiệu quả kinh doanh tại một số đơn vị trực thuộc hiệu quả chưa cao

+ Một số chi nhánh hoạt động kinh doanh không phát triển qua nhiều năm như: Chi nhánh Cần Thơ, Chi nhánh Quy Nhơn;

+ Một số đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh không hiệu quả, không đảm bảo bù đắp chi phí (bị lỗ) như: Chi nhánh Hải Phòng, Phòng Dịch vụ Logistics.

ii. Về tình hình tài chính:

a) Tích cực:

✓ Các chỉ tiêu tài chính cho thấy tình hình tài chính của Công ty hiện ở mức an toàn: Hệ số khả năng thanh toán tổng quát và khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức rất cao;

✓ Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ở mức khá thấp (dưới 20%). Các khoản nợ phải trả chủ yếu là nợ phải trả thương mại và nợ khác; Công ty không sử dụng vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh (chưa sử dụng đòn bẩy tài chính).

b) Hạn chế:

✓ Biến động tài sản qua các năm cho thấy việc đầu tư tài sản nhằm tăng năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh còn hạn chế:

+ Tăng trưởng Tổng tài sản có xu hướng giảm qua các năm: năm 2018 giảm (1,74)%; năm 2019 giảm (2,65)%; năm 2020 tăng 1,09%.

+ Tăng trưởng Tài sản cố định và bất động sản đầu tư giảm khá lớn: năm 2017 giảm (11,95)%; năm 2018 giảm (44,27)%, năm 2019 giảm (17,41)%; năm 2020 tăng 46,19 %.

+ Tỷ trọng Tài sản cố định và bất động sản trong Tổng tài sản khá nhỏ, hàng năm dưới 10%, năm 2020 là: 4,82%.

✓ Số dư tiền mặt (tiền mặt, tiền gửi thanh toán và có kỳ hạn) khá lớn, chiếm từ 40% đến 60% Tổng tài sản; bằng 50% đến 70% Vốn chủ sở hữu, tỷ lệ có xu hướng gia tăng do khấu hao tài sản cố định chưa tái sử dụng đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiền nhàn rỗi chủ yếu được sử dụng gửi ngân hàng có kỳ hạn nên hiệu quả sử dụng vốn thấp.

2. Về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

a. Trong nhiệm kỳ, Công ty đã thực hiện và hoàn thành một số dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm tài sản, gồm:

i. Năm 2017: hoàn thành đầu tư mua sắm xe ô tô cho hoạt động quản lý;

ii. Năm 2018, 2019: thực hiện đầu tư nâng cấp phần mềm kế toán cho hoạt động quản lý;

iii. Năm 2020: hoàn thành đầu tư mua sắm mới xe nâng cho hoạt động Trung tâm kho vận.

b. Dự án đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng 6480 m^2 ("Dự án bãi 6.480")

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐQT-SSC ngày 04/12/2014:

i. Công ty đã hoàn thành các thủ tục đầu tư và triển khai thi công xây dựng công trình từ tháng 4/2016, hoàn thành thi công tháng 11/2017. Tuy nhiên khi đưa vào thử tải ngày 05/11/2017 thì phát sinh không đảm bảo chất lượng công trình như: mặt nền bị lún, hư hỏng nhiều ví trí nên không đủ điều kiện nghiệm thu

đưa công trình vào sử dụng. Nhà thầu đã tiến hành sửa chữa đến ngày 28/09/2018 hoàn thành nhưng vẫn không đảm bảo chất lượng đủ điều kiện bàn giao đưa vào sử dụng.

ii. Để xử lý những tồn tại của Dự án, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp, bao gồm việc thuê tư vấn chuyên môn, tư vấn pháp lý xác định tình trạng, nguyên nhân hư hỏng, không đảm bảo chất lượng; xác định trách nhiệm của các bên liên quan (gồm các tổ chức và cá nhân); và xác định thiết hại của dự án. Do có nhiều khó khăn, vướng mắc như: có nhiều sự thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Khó khăn trong đàm phán về trách nhiệm với của các nhà thầu; Tính phức tạp khi xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan… nên chưa xác định và đề xuất phương án xủ lý phù hợp quy định của pháp luật.

Việc không thể nghiệm vụ đưa vào sử dụng, không thể quyết toán dự án để kết thúc giai đoạn đầu tư tăng tài sản cố định có thể:

- ✓ dẫn đến thiệt hại cho công ty như: dự án chậm đưa vào sản xuất kinh doanh gây lãng phí; chất lượng công trình không đảm bảo ảnh hưởng đến giá trị thực của tài sản không tương xứng chi phí đã chi cho đầu tư.
- ✓ gây khó khăn, cản trở để thực hiện các bước đầu tư nâng cấp bãi 6480 trong quy hoạch tổng thể dự án Dự án đầu tư nâng cấp và mở rộng kho bãi tại khu Linh Xuân.

c. Dự án đầu tư nâng cấp và mở rộng kho bãi tại 27B - Quốc lộ 1A - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh.

i. Triển khai dự án

- ✓ Để triển khai dự án, Công ty đã triển khai các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty, tuy nhiên giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng bị gián đoạn từ năm 2006 do Công ty trong giai đoạn chuyển thành công ty cổ phần.
- ✓ Để tiếp tục thực hiện dự án, Công ty đã thực hiện thuê tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; đã trình và được thông qua chủ trương đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/07/2018; tiếp tục được thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm ngày 23/04/2019; tiếp tục được thông qua điều chỉnh dự án vào đại hội cổ đông thường niên ngày 19/06/2020.
- ✓ Tiến độ thực hiện dự án đến nay theo đánh giá là khá chậm so với mục tiêu đầu tư. Hiện dự án mới đang chỉ dừng lại ở giai đoạn tiền đầu tư dự án (nghiên cứu tiền khả thi) và theo các báo cáo còn rất nhiều vướng mắc chưa được xử lý, tháo gỡ như: phê duyệt lại quy hoạch của cấp có thẩm quyền do quy quyết định phê duyệt quy hoạch trước đây của UBND TP Hồ Chí Minh đã hết hiệu lực và đặc biệt khó khăn trong khâu giải phóng mặt bằng với khoảng 1,1 ha đất của 03 hộ dân xen kẹt trong quy hoạch.

ii. Theo Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đánh giá: Dự án là trọng tâm trong chiến lược đầu tư phát triển và bền vững của Công ty:

- ✓ Thị trường và cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty là kinh doanh kho và bãi tại địa bàn còn rất lớn.
- ✓ Hiệu suất sử dụng tài sản, nguồn lực của Công ty tại địa bàn chưa cao, tình trạng quá tải tại Trung tâm kho vận Linh Xuân đã xảy ra từ nhiều năm nhưng việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tình trạng phân tán, xen kẹt, xen lẫn của các lô đất do Công ty quản lý, sử dụng với những lô đất chưa được giải phóng mặt bằng;
- ✓ Việc đầu tư dự án đảm bảo sử dụng hiệu quả đối với tài sản trong đó có những tài sản đã được đầu tư từ nhiều năm trước nhưng chưa sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc hiệu quả sử dụng chưa cao.

3. Về chuyển nhượng vốn đầu tư vào các đơn vị khác, đầu tư mua lại phần vốn góp:

a. Năm 2006, đã thực hiện chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten Nơ Erria theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-SSC ngày 10/08/2016 của Hội đồng quản trị.

b. Năm 2017, đã thực hiện chuyển nhượng vốn góp tại Công ty CP TMDV Quảng trưởng Quốc tế theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT-SSC ngày 11/01/2017 của Hội đồng quản trị.

c. Năm 2020, thực hiện chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020 thông qua, Công ty đã mua lại phần vốn góp của các đối tác trong Công ty TNHH Liên doanh giao nhận kho vận Bình Mình ("JVS") theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT-SSC ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị. Sau khi hoàn thành Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ tại JVS.

4. Đánh giá rủi ro

a. Hoạt động kinh doanh chính tuy mang lại hiệu quả cho Công ty nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn và rủi ro cao như:

i. Sản lương bãi chủ yếu phụ thuộc vào số ít khách hàng lớn trong đó chỉ có một khách hàng chiếm sản lượng khá lớn;

ii. Việc khai thác, phát triển khách hàng chiến lược, khách hàng tiềm năng còn hạn chế.

b. Việc thúc đẩy mở rộng lĩnh vực kinh doanh trong đó có việc tận dụng, khai thác hiệu quả tài sản hiện có và lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty còn hạn chế: trong nhiệm kỳ chưa phát triển được lĩnh vực kinh doanh mới mang lại lợi thế và giá trị gia tăng cho Công ty. Việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh tiềm năng và hiệu quả là có thể là biện pháp hữu hiệu hạn chế rủi ro trong kinh doanh khi một hoặc một số lĩnh vực kinh doanh hiện tại có sự suy giảm; Với thực tế của Công ty hiện nay là rất quan trọng khi hoạt động và hiệu quả kinh doanh chính đạt được trong những năm qua đang phụ thuộc vào một số ít khách hàng lớn.

c. Một số tài sản đang phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã xuống cấp và cũng tồn tại những khoảng trống pháp lý. Trong nhiệm kỳ mặc dù Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, Tổng giám đốc đã triển khai nhưng chưa hoàn thành được các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật là những rủi ro đáng kể trong trường hợp xảy ra sự cố vận hành như: Kho CFS1 và CFS2 tại Linh Xuân; Kho vật tư tại số 3 Tôn Thất Thuyết.

d. Một số dư án đầu tư và tài sản chưa được sử dụng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh như: Dự án bãi 6480; Khu đất 2.100 m^2.

IV. Kết quả giám sát công tác điều hành

1. Biến động công tác điều hành chung:

Trong nhiệm kỳ, nhân sự Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc có nhiều biến động lớn. Đây là một trong những nhân tố ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động, chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:

a. Nhân sự Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1. Ông Trần Quốc Toản	Chủ tịch	28/04/2016	11/01/2017
2. Ông Lê Văn Pha	Chủ tịch	11/01/2017	
3. Ông Phạm Hoàng Hiệp	Chủ tịch	26/07/2018	27/03/2019
4. Ông Trần Thiện	Chủ tịch	27/03/2019	
	P.Chủ tịch	26/07/2018	
	Thành viên	28/11/2016	
5. Ông Henrik N.Andersen	Thành viên	28/04/2016	28/11/2016
6. Ông Hasse Kjaers Goard Larsen	Thành viên	28/04/2016	28/11/2016
7. Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên	28/11/2016	24/10/2017
8. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Thành viên	24/10/2017	26/07/2018
9. Ông Đỗ Ngọc Lâm	Thành viên	28/04/2016	09/11/2018
10. Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Thành viên	09/11/2018	20/03/2019
11. Ông Phạm Văn Hưởng	Thành viên	20/03/2019	
12. Ông Lê Minh	Thành viên	28/04/2016	26/07/2018
13. Ông Lê Minh	Thành viên	23/04/2019	
14. Ông Bùi Viết Phú	Thành viên	26/07/2018	
15. Bà Huỳnh Thị Như Ý	Thành viên	26/07/2018	

b. Nhân sự Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc :

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1. Ông Phạm Văn Hưởng	Tổng giám đốc	20/03/2019	
	Kế toán trưởng		20/03/2019
2. Ông Đỗ Ngọc Lâm	Tổng giám đốc		09/11/2018
3. Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Tổng giám đốc	27/11/2018	20/03/2019
	Q.Tổng giám đốc	09/11/2018	
	P.Tổng giám đốc		09/11/2018
4. Ông Lê Minh	P.Tổng giám đốc		
5. Bà Nguyễn Lan Hương	P.Tổng giám đốc	10/04/2019	25/06/2020
6. Ông Bùi Viết Phú	P.Tổng giám đốc	25/06/2020	
7. Nguyễn Thị Thúy Loan	Phụ trách kế toán	20/03/2019	10/04/2019
8. Ông Phạm Minh Anh	Kế toán trưởng	10/04/2019	

2. Kết quả giám sát công tác của Hội đồng quản trị:

b. Đánh giá chung:

i. Hội đồng quản trị đã thực hiện hợp lệ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường các năm.

ii. Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

iii. Hoạt động của Hội đồng quản trị tập trung thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông, đã tạo tiền đề để Công ty hoàn thành các mục tiêu đó.

iv. Hoạt động của Hội đồng quản trị tập trung vào nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư, kinh doanh của Công ty trình Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt với mục tiêu:

- ✓ sử dụng hiệu quả tất cả các nguồn lực hiện có của Công ty;
- ✓ chiến lược đầu tư phát triển theo từng bước, từng giai đoạn để vững vàng, tạo sức cạnh tranh và đưa Công ty ngày càng lớn mạnh.

v. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

vi. Hội đồng quản trị bám sát các kế hoạch, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ để chỉ đạo Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

vii. Hội đồng quản trị đã chú trọng công tác quản trị thông qua việc chỉ đạo Tổng giám đốc nghiên cứu, soạn thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Thực hiện thẩm định và ban hành để triển khai thực hiện.

c. Về hoạt động cụ thể của Hội đồng quản trị:

i. Nghị quyết, quyết định được ban hành trong nhiệm kỳ:

- ✓ Năm 2016: đã ban hành 04 Nghị quyết, 01 Quyết định (nhiệm kỳ từ 28/4/2016)
- ✓ Năm 2017: đã ban hành 23 Nghị quyết, 09 Quyết định
- ✓ Năm 2018: đã ban hành 24 Nghị quyết, 16 Quyết định
- ✓ Năm 2019: đã ban hành 13 Nghị quyết, 21 Quyết định
- ✓ Năm 2020: đã ban hành 14 Nghị quyết, 17 Quyết định
- ✓ Năm 2021: đã ban hành 03 Nghị quyết, 03 Quyết định (đến ngày 06/4/2021)

ii. Tình hình thực hiện một số Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chuyển tiếp từ nhiệm kỳ trước

- ✓ Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT-SSC ngày 28/04/2014 V/v Thay Erria A/S thực hiện nghĩa vụ thuế trong Liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn. Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 12/TB-KVTV ngày 15/12/2016 kiến nghị hủy bỏ Nghị quyết này.

  Trong nhiệm kỳ này, Hội đồng quản trị đã ban hành 23A/NQ-HĐQT-SSC ngày 20/04/2017 hủy bỏ.

- ✓ Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT-SSC ngày 04/12/2014 Đầu tư Dự án xây dựng bãi Container rỗng trên diện tích 6480m2 tại TTKV - Linh Xuân.

  Trong nhiệm kỳ này, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư Dự án, triển khai thi công từ tháng 6/2016, hoàn thành thi công năm 2017 nhưng chưa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng do khi thử tải không đảm bảo chất lượng. Hiện các tồn tại của Dự án chưa được xử lý.

iii. Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các văn bản khung pháp lý phù hợp với các quy định của Pháp luật làm cơ sở thực hiện:

- ✓ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt đồng (lần thứ 4) được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 thông qua ngày 24/10/2017;
- ✓ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động (lần thứ 5) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 23/04/2019;
- ✓ Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 23/04/2019;

- ✓ Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 19/06/2020; trong đó Ban hành Quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử.

iv. Hội đồng quản theo thẩm quyền đã ban hành các quy chế quản trị công ty như:

- ✓ Ngày 25/04/2017 quyết định ban hành Quy chế Quản lý tài chính;
- ✓ Ngày 30/03/2018 quyết định ban hành Quy chế về Người đại diện vốn tại các công ty con và công ty liên kết;
- ✓ Ngày 30/03/2018 quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- ✓ Ngày 04/09/2018 quyết định thông qua các biểu mẫu báo cáo quản trị;
- ✓ Ngày 22/10/2020 quyết định Ban hành Quy chế quản lý đầu tư.

d. Những hạn chế:

i. Mặc dù đã tập trung xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty nhưng chưa xây dựng kế hoạch hành động cụ thể trung và dài hạn để triển khai thực hiện.

ii. Chỉ đạo xử lý một số tồn tại chưa quyết liệt, hữu hiệu như:

- ✓ Những tồn tại tại Dự án xây dựng bãi Container rỗng trên diện tích 6480m2 tại TTKV - Linh Xuân chưa được khắc phục, bị kéo dài ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- ✓ Những tồn tại, khoảng trống pháp lý của một số tài sản như: các kho CFS1, CFS2; Kho vật tư tại số 3 Tôn Thất Thuyết.

3. Kết quả giám sát hoạt động Tổng giám đốc

a. Đánh giá chung:

i. Trong nhiệm kỳ, mặc dù có những biến động nhiều đối với nhân sự, tuy nhiên dưới sự chỉ đạo, hỗ trợ của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực trong việc tiếp nhận và tiếp tục triển khai công việc điều hành từ người tiền nhiệm, Tổng giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hiệu quả theo các chỉ tiêu đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

ii. Tổng giám đốc đã có nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý kinh doanh thông qua việc kiểm soát chi phí, kiểm soát công nợ, quản lý nghiệp vụ. Qua đó nhận biết và có những biện pháp cụ thể để hạn chế rủi ro trong hoạt động.

b. Về hoạt động cụ thể:

i. Phân công nhiệm vụ, ủy quyền: Tổng giám đốc đã thực hiện phân công nhiệm vụ, ủy quyền nhiệm vụ cụ thể cho Phó Tổng giám đốc và Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Cần Thơ, Phó Giám đốc Trung tâm kho vận thay mặt Tổng giám

đốc thực hiện điều hành một hoặc một số hoạt động nghiệp vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

ii. Về thực hiện nhiệm vụ kinh doanh:

- ✓ Tổng giám đốc đã chủ động triển khai các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Tổ chức hội nghị tổng kết hàng năm nhằm đánh giá đầy đủ các mặt hoạt động kinh doanh theo từng nghiệp vụ, lĩnh vực, khu vực kinh doanh. Trong tổng kết đã chỉ rõ những mặt hạn chế, tồn tại, ưu nhược điểm và đưa ra phương hướng khắc phục.
- ✓ Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, báo cáo Hội đồng quản trị thẩm định, thông qua để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

iii. Tổng giám đốc theo nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao đã chỉ đạo xây dựng, soạn thảo, sửa đổi bổ sung các quy chế quản trị doanh nghiệp để trình Hội đồng quản trị phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

iv. Tổng giám đốc đã tiếp thu và triển khai khắc phục kịp thời các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát, từng bước nâng cao công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

c. Những hạn chế:

i. Giai đoạn đầu của nhiệm kỳ của nhiệm kỳ để xảy ra một số vi phạm, tồn tại trong công tác tài chính tại đơn vị trực thuộc nhưng không được phát hiện trong công tác quản lý, điều hành. Những tồn tại đã được chấn chỉnh khắc phục khi được phát hiện thông qua hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát.

ii. Giai đoạn đầu nhiệm kỳ thực hiện đầu tư Dự án xây dựng bãi Container rỗng trên diện tích 6480m2 tại TTKV - Linh Xuân đã để xảy ra khuyết điểm, tồn tại đến nay chưa khắc phục được; gây những hệ lụy đến hoạt động sản xuất kinh doanh như: dự án không được đưa vào hoạt động có thể gây lãng phí; chất lượng công trình không đảm bảo có thể gây thiệt hai về tài sản.

iii. Hàng năm tuy vẫn đảm bảo hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhưng việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, khẳng định vị thế và năng lực cạnh tranh trên thị trường trong đó có việc phát triển các khách hàng mới, khách hàng tiền năng vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với nguồn lực, tiềm lực của Công ty.

iv. Chưa có các biện pháp quyết liệt, hữu hiệu trong cơ cấu một số đơn vị trực thuộc trong đó có những đơn vị hoạt động kinh doanh kém hiệu quả để thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

V. Kiến nghị đối với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Cổ đông

1. Đối với Tổng giám đốc

   a. Tiếp tục rà soát và giải quyết những vấn đề tồn tại, kéo dài từ nhiều nhiệm kỳ trước nhưng chưa được xử lý trong công tác tài chính như: xử lý giải thể, phá sản liên doanh Sea Sài Gòn;

   b. Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định xử lý dứt điểm đối với những tồn tại liên quan đến Dự án bãi 6480 phù hợp với quy định, là cơ sở để có thể thực hiện các bước đầu tư tiếp theo trong kế hoạch đầu tư tổng thể đối của Trung tâm kho vận đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương.

   c. Tiếp tục hoàn thiện các chế quản lý, các quy định về cơ chế tài chính nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Đối với Hội đồng quản trị

   a. Hội đồng quản trị cần xem xét, thống nhất chỉ đạo xây dựng chiến lược đầu tư, sản xuất kinh doanh trung và dài hạn trong đó tập trung kế hoạch gắn với kế hoạch nhiệm kỳ tới để trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua là định hướng và cơ sở để triển khai thực hiện.

   b. Cần có kế hoạch, giải pháp tổng thể và chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp và mở rộng kho bãi tại 27B - Quốc lộ 1A - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh trong nhiệm kỳ tới.

3. Đối với cổ đông và cổ đông lớn

   a. Xem xét một cách cẩn trọng về việc phê duyệt, phân cấp tối đa, hợp lý cho Hội đồng quản trị quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho Công ty nắm bắt kịp thời cơ hội đầu tư, tạo cơ chế thúc đẩy nhanh tiến độ đầu tư và tính chủ động quyết định, tự chịu trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với các quyết định điều hành.

   b. Với tiềm lực, năng lực và kinh nghiệm cần có những giải pháp cụ thể hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: hỗ trợ xây dựng chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh trung và dài hạn; hỗ trợ tìm kiếm, khai thác thị trường; hỗ trợ kinh nghiệm quản trị, quản lý kinh doanh….

VI. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ tới

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành, trong thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và giữa niên độ; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Thực hiện xem xét việc tuân thủ quy định về báo cáo, việc thỉnh thị của người đại diện vốn theo Quy chế quản lý người đại diện vốn.
5. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; đưa ra khuyến nghị nếu cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và có kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu quản lý, giám sát và điều hành cho phù hợp.
7. Tham dự đầy đủ và thực hiện thảo luận, cho ý kiến trong các cuộc họp Hội đồng quản trị khi nhận được thông báo triệu tập.
8. Tiếp tục duy trì mối quan hệ, sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, bộ phận của Công ty.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát xin trân thành cảm ơn sự tín tưởng của Quý cổ đông; sự hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc và phòng ban, bộ phận của Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021, xin báo cáo và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cám ơn !

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *HĐQT Công ty;*
- *Lưu tại Thư ký Công ty.*

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đỗ Đức Tuấn

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021,

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn ("Công ty");

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Theo nhiệm vụ được giao, năm 2020 Ban kiểm soát đã trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua để Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Thông qua đánh giá, Ban Kiểm soát nhận thấy đơn vị kiểm toán được chọn đã thực hiện dịch vụ đúng thời gian, chất lượng đạt yêu cầu.

Theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc giao Hội đồng quản trị quyết định tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam *(là một trong những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán)* để soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, hồ sơ đại hội

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đỗ Đức Tuấn

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN (SAMCO)
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn,

Ban kiểm soát đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát vào Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành bắt đầu có hiệu lực thi hành, các quy định tại Quy chế đã được ban hành không còn phù hợp. Vì vậy, Ban kiểm soát đã triển khai xây dựng lại Quy chế hoạt động Ban kiểm soát mới với các nội dung phù hợp với quy định hiện hành để thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua nội dung sau:

1. Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn *(theo dự thảo đính kèm tờ trình)*. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ký ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, hồ sơ đại hội

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đỗ Đức Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
Địa chỉ: 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, TPHCM
Điện thoại: (028) 3829 6316 – 3829 6320; Fax: (028) 3822 5067
Email: saigonship@saigonshipvn.com
Website: www.saigonship.com.vn

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN KIỂM SOÁT	*TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021*

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số…….. ngày….. tháng….. năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn.

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm các nội dung như sau:

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG QUY CHẾ

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ có nghĩa như giải thích dưới đây:

1. *"Công ty"* là Công ty Cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn.
2. *"Điều lệ"* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn.
3. *"Đại hội đồng cổ đông"* là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
4. *"Hội đồng quản trị"* là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn.
5. *"Ban kiểm soát"* là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn.
6. Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải Biển Sài Gòn quy định về tổ chức, nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần công việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
   b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
   c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
   d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
   e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
   g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6: Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7: Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

   a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

   b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

   c. Số thành viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau:

      ✓ Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được tối đa 1 thành viên.

      ✓ Tỷ lệ nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được tối đa 2 thành viên.

      ✓ Tỷ lệ nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được tối đa 3 thành viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường

hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
   d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;
   d. Các chức danh quản lý khác;
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
    a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
    b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
    c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13: Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
    a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
    b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện,

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14: Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Các cuộc họp Ban kiểm soát có thể thực hiện:

   ✓ theo hình thức trực tiếp ;

   ✓ hoặc theo hình thức trực tuyến nếu phương tiện thông tin liên lạc tổ chức cuộc họp đảm bảo cho cuộc họp.

Điều 15: Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Các cuộc họp trực tuyến của Ban kiểm soát có thể được ghi âm để lưu giữ đầy đủ, khách quan diễn tiến cuộc họp; Các cuộc họp trực tuyến vẫn phải lập Biên bản cuộc họp và sau khi kết thúc cuộc họp phải gửi tới cho các thành viên Ban kiểm soát cùng ký tên xác nhận nội dung cuộc họp.

CHƯƠNG V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16: Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17: Thù lao và quyền lợi khác

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy

định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18: Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19: Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công

ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20: Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21: Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22: Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày…....tháng…....năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

MSDN: 0300424088 do Sở KHĐT TP.HCM cấp, thay đổi lần thứ 10, ngày 28/03/2019

Tel: (+8428) 3829 6316 – 3829 6320 Fax: (+8428) 3822 5067

Số TT Cổ đông : .....

Họ tên Cổ đông : .....Chữ kí: .....

Số Cổ phần đại diện : .....

PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

TT	Nội dung biểu quyết	Biểu quyết (đánh dấu X)		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2016-2021) đối với ông Bùi Viết Phú			
2	Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2021) đối với bà Đoàn Thị Giao Thuyết			

Ghi chú

- Đánh dấu X vào ô vuông ý kiến mà Cổ đông chọn, không viết thêm nội dung khác.

- Nếu sau khi đã chọn mà Cổ đông muốn thay đổi, không muốn chọn ô đó nữa ,vui lòng khoanh tròn ô đó lại.

- Nếu chọn lại ô đã khoanh tròn, ghi "Chọn" bên cạnh ô đó.

- Chỉ được chọn tối đa là 1 ô.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

MSDN: 0300424088 do Sở KHĐT TP.HCM cấp, thay đổi lần thứ 10, ngày 28/03/2019

Tel: (+8428) 3829 6316 – 3829 6320 Fax: (+8428) 3822 5067

Số TT Cổ đông : .....

Họ tên Cổ đông : .....**Chữ kí:** .....

Số Cổ phần đại diện : .....

PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

TT	Nội dung biểu quyết	Biểu quyết (đánh dấu X)		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021			
2	Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020			
3	Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2021)			
4	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập sử dụng các quỹ năm 2020 và Kế hoạch năm 2021			
5	Thông qua việc thực hiện chi phí hoạt động, thù lao HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ; Qũy tiền lương cán bộ quản lý, Người lao động năm 2020 và kế hoạch 2021			
6	Thông qua việc phương án vốn, nguồn vốn cho dự án "Nâng cấp và mở rộng kho bãi" -địa điểm: 27B Quốc lộ 1A, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức			
7	Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn			
8	Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6			
9	Thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn			
10	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn			
11	Thông qua Báo cáo năm 2020 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2016-2021) của Ban Kiểm soát			
12	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021			
13	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát			
14	Thông qua số lượng, danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026)			

Ghi chú

- Đánh dấu X vào ô vuông ý kiến mà Cổ đông chọn, không viết thêm nội dung khác.

- Nếu sau khi đã chọn mà Cổ đông muốn thay đổi, không muốn chọn ô đó nữa ,vui lòng khoanh tròn ô đó lại.

- Nếu chọn lại ô đã khoanh tròn, ghi "Chọn" bên cạnh ô đó.

- Chỉ được chọn tối đa là 1 ô.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /NQ–ĐHĐCĐ–SSC	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300424088 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp, thay đổi lần thứ 10, ngày 28/03/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Kết quả biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 28 tháng 04 năm 2021 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn (trụ sở chính: 9 Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Quận 1, TP.HCM),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội Dung	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Tổng Doanh Thu	102.190	112.410
2	Lợi nhuận trước thuế	34.986	29.468
3	Lợi nhuận sau thuế	30.773	24.772

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 3. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ III (2016-2021)

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ III (2016-2021).

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020 và Kế hoạch năm 2021

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 và Kế hoạch năm 2021, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021
1	**Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**		
1	Lợi nhuận sau thuế	30.772.792.311	24.772.275.821
2	Các khoản giảm trừ		
3	Tăng quỹ đầu tư phát triển		
4	Trích lập các quỹ	2.500.000.000	1.716.000.000
4.1	Qũy dự phòng tài chính		
4.2	Qũy đầu tư phát triển		
4.3	Qũy phúc lợi, khen thưởng	2.240.800.000	1.500.000.000
4.4	Qũy khen thưởng Ban quản lý (HĐQT + BTGĐ)	259.200.000	216.000.000
5	Lợi nhuận sau khi trích các quỹ và hoàn nhập	30.070.069.807	30.054.345.628
5.1	Lãi/lỗ lũy kế năm trước	1.797.277.496	6.998.069.807
5.2	Lợi nhuận còn lại	28.272.792.311	23.056.275.821
6	Cổ tức cổ đông	23.072.000.000	0
7	Hình thức chi trả	Tiền	
8	Vốn đầu tư chủ sở hữu	144.200.000.000	144.200.000.000
9	Tổng số lượng cổ phần (đvt: cổ phần)	14.420.000	14.420.000
10	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	21,34%	17,18%
11	Thu nhập một cổ phần (EPS)	2.134	1.718
12	Tỷ lệ chia cổ tức	16%	Không chia cổ tức, giữ lại tạo nguồn vốn thực hiện dự án tại Trung tâm kho vận

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 5. Thông qua việc thực hiện chi phí hoạt động, thù lao HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ; Quỹ tiền lương cán bộ quản lý, người lao động năm 2020 và Kế hoạch 2021

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua thực hiện chi phí hoạt động, thù lao HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ; Quỹ tiền lương cán bộ quản lý, người lao động năm 2020 và Kế hoạch 2021, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	KH 2021
I	**Chỉ tiêu**		
1	Tổng doanh thu SXKD (xác định quỹ lương)	102.190	112.410
2	Tổng chi phí (chưa có lương)	54.347	71.871
3	Lợi nhuận trước thuế (xác định quỹ lương)	34.986	29.468
II	**Chi phí HĐQT, ĐHĐCĐ và BKS**	231	426
1	HĐQT và ĐHĐCĐ	183	342
	Thù lao HĐQT	132	192
	Chi phí ĐHĐCĐ và HĐQT	51	150
2	Ban Kiểm soát	48	84
	Thù lao BKS	48	84
III	**Qũy tiền lương CBQL**		
1	Tổng số lao động bình quân	4	4
2	Qũy tiền lương	2.073,6	1.728
3	Tiền lương bình quân	43,2	36
IV	**Qũy tiền lương NLĐ**		
1	Tổng số lao động bình quân	77	81
2	Qũy tiền lương	10.603	9.067
3	Tiền lương bình quân	11,475	9,328

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 6. Thông qua phương án vốn, nguồn vốn cho dự án đầu tư "Nâng cấp và mở rộng kho bãi" – Địa điểm: 27B Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua phương án vốn, nguồn vốn cho dự án đầu tư "Nâng cấp và mở rộng kho bãi" - Địa điểm: 27B Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức như sau:

1. Giữ lại cổ tức 02 năm liên tiếp (2021-2022) để tạo nguồn vốn thực hiện dự án (dự kiến 46 tỷ đồng).

2. Nhu cầu vốn còn lại sẽ được huy động từ các phương án vốn khác. Giao Hội đồng quản trị xem xét thời điểm thực hiện để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án huy động vốn cụ thể bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc tại cuộc họp.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 7. Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc:

1. Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn như sau:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng container và thiết bị nâng hạ container tại kho bãi (không hoạt động tại trụ sở)	3311
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vecsni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	3290
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển; - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229 (Ngành nghề chính)
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210 (Ngành nghề chính)
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà	6810

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản khác.	
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
11	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.	4912
12	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nạo vét đường thủy, đường biển	4299
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	4669
15	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở)	0730
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp.	3312
17	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện	3314
18	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị khác	3319
19	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
21	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. (không hoạt động ở trụ sở)	4631
22	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
23	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
24	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép.	4641
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
27	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngữ	4722

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	
28	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 2 Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn như sau:
"2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng container và thiết bị nâng hạ container tại kho bãi (không hoạt động tại trụ sở)	3311
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vecsni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
4	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	3290
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển; - Vận tải hàng hóa viễn dương	5012
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics; - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229 (Ngành nghề chính)
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210 (Ngành nghề chính)
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý	6810

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản khác.	
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ	5022
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
11	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.	4912
12	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Nạo vét đường thủy, đường biển	4299
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	4669
15	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Không hoạt động tại trụ sở)	0730
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp.	3312
17	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện	3314
18	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị khác	3319
19	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật	4620

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	
21	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. (không hoạt động ở trụ sở)	4631
22	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632
23	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
24	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép.	4641
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
27	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực	4722

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
	phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	
28	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

3. Giao ông Phạm Văn Hưởng, người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 8. Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6

ĐHĐCĐ thống nhất:

1. Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 *(theo nội dung tờ trình số 17/TTr-HĐQT-SSC ngày 19/04/2021)*. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Điều lệ được ban hành trước đó.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ký ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 9. Thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

ĐHĐCĐ thống nhất:

1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn *(theo nội dung tờ trình số 18/TTr-HĐQT-SSC ngày 19/04/2021)*. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn

ĐHĐCĐ thống nhất:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn *(theo nội dung tờ trình số 19/TTr-HĐQT-SSC ngày 19/04/2021)*. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.

2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ký ban hành Quy chế hoạt đồng của Hội đồng quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 11. Thông qua Báo cáo năm 2020 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2016-2021) của Ban Kiểm soát

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Báo cáo năm 2020 và tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2016-2021) của Ban Kiểm soát.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 12. Thông qua lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2021

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2021.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 13. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

ĐHĐCĐ thống nhất:

1. Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.
2. Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 14. Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2016-2021)

ĐHĐCĐ thống nhất:

1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2016-2021) đối với Ông Bùi Viết Phú.
2. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2021) đối với Bà Đoàn Thị Giao Thuyết.

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 15. Thông qua số lượng, danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026)

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua số lượng, danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026) như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 03 thành viên
- Danh sách ứng viên được đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS:

TT	Họ tên	Quốc tịch	Năm sinh	Đại diện cổ đông, hoặc nhóm cổ đông
I	**Hội đồng quản trị (HĐQT)**			
1	Ông Trần Thiện	Việt Nam	1977	GLS
2	Ông Lê Minh	Việt Nam	1963	SAMCO
3	Ông Phạm Văn Hưởng	Việt Nam	1984	SAMCO
4	Bà Huỳnh Như Ý	Việt Nam	1986	SAMCO
5	Ông Nguyễn Văn Long	Việt Nam	1976	GLS
II	**Ban kiểm soát (BKS)**			
1	Ông Đỗ Đức Tuấn	Việt Nam	1973	GLS
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Việt Nam	1991	SAMCO
3	Bà Dương Thị Kim Kiều	Việt Nam	1992	SAMCO

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại ĐHĐCĐ đạt: …%

Điều 16. Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (2021-2026)

TT	Họ và tên	Số cổ phần đồng ý	Tỷ lệ số CP đồng ý (%)
1	Ông Trần Thiện		
2	Ông Lê Minh		
3	Ông Phạm Văn Hưởng		
4	Bà Huỳnh Như Ý		
5	Ông Nguyễn Văn Long		

Điều 17. Kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026)

TT	Họ và tên	Số cổ phần đồng ý	Tỷ lệ số CP đồng ý (%)
1	Ông Đỗ Đức Tuấn		
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Trang		
3	Bà Dương Thị Kim Kiều		

Điều 18. Nghị quyết có hiệu lực

Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2021.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm công bố Nghị quyết trên website Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 19. Điều khoản thi hành

ĐHĐCĐ thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết.

Tất cả cổ đông Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như Điều 19;
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- TTLKCKVN-CNTP.HCM;
- Các đơn vị chức năng liên quan;
- HĐQT, Ban KS;
- Lưu: VT, HCQT.

Trần Thiện

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số: 01/NQ–ĐHĐCĐ–SSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300424088 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp, thay đổi lần thứ 10, ngày 28/03/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn;

Căn cứ Kết quả biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn (trụ sở chính: 9 Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Quận 1, TP.HCM),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (theo báo cáo số 03/BC-BĐH-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội Dung	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
1	Tổng Doanh Thu	95,674	102,467
2	Lợi nhuận trước thuế	29,319	28,532
3	Lợi nhuận sau thuế	24,244	23,748

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2019 (theo báo cáo số 04/BC-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 (theo tờ trình số 10/TTr-HDQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 và Kế hoạch năm 2020, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2019		Kế hoạch 2020
		KH	TH	
1	**Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**			
1	Lợi nhuận sau thuế	20,004,000,000	24,243,573,759	23,748,000,000
2	Các khoản giảm trừ			
3	Tăng quỹ đầu tư phát triển			
4	Trích lập các quỹ	1,416,000,000	1,416,000,000	1,416,000,000
4.1	Qũy dự phòng tài chính			
4.2	Qũy đầu tư phát triển			
4.3	Qũy phúc lợi, khen thưởng	1,200,000,000	1,200,000,000	1,200,000,000
4.4	Qũy khen thưởng Ban quản lý (HĐQT + BTGĐ)	216,000,000	216,000,000	216,000,000
5	Lợi nhuận sau khi trích các quỹ và hoàn nhập	**19,187,703,737**	**23,427,277,496**	**24,129,277,496**
5.1	Lãi/lỗ lũy kế năm trước	599,703,737	599,703,737	1,797,277,496
5.2	Lợi nhuận còn lại	18,588,000,000	22,827,573,759	22,332,000,000
6	Cổ tức cổ đông	18,746,000,000	21,630,000,000	20,188,000,000
7	Hình thức chi trả	Tiền	Tiền	Tiền
8	Vốn đầu tư chủ sở hữu	144,200,000,000	144,200,000,000	144,200,000,000
9	Tổng số lượng cổ phần (đvt: cổ phần)	14,420,000	14,420,000	14,420,000
10	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.87%	16.81%	16.47%
11	Thu nhập một cổ phần (EPS)	1,387	1,681	1,647
12	Tỷ lệ chia cổ tức	13%	15%	Từ 14%

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 5. Thông qua việc thực hiện chi phí hoạt động HĐQT, ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát (BKS); Quỹ tiền lương cán bộ quản lý, người lao động năm 2019 và Kế hoạch 2020 (theo tờ trình số 11/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua thực hiện chi phí hoạt động HĐQT, ĐHĐCĐ; Quỹ tiền lương cán bộ quản lý, người lao động năm 2019 và Kế hoạch 2020, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2019		KH 2020	KH20/ TH19 (%)
		KH	TH		
I	**Chỉ tiêu**				
1	Tổng doanh thu SXKD (xác định quỹ lương)	106,170	95,674	102,467	107.10
2	Tổng chi phí (chưa có lương)	71,331	54,977	62,900	114.41
3	Lợi nhuận trước thuế (xác định quỹ lương)	24,205	29,319	28,532	97.31

TT	Nội dung	Năm 2019		KH 2020	KH20/ TH19 (%)
		KH	TH		
II	**Chi phí HĐQT, ĐHĐCĐ và BKS**	330	237	330	139.20
1	HĐQT và ĐHĐCĐ	282	189	282	149.15
	Thù lao HĐQT	132	132	132	100
	Chi phí ĐHĐCĐ và HĐQT	150	57	150	262.82
2	Ban Kiểm soát	48	48	48	100
	Thù lao BKS	48	48	48	100
III	**Qũy tiền lương CBQL**				
1	Tổng số lao động bình quân	4	3.61	4	110.8
2	Qũy tiền lương	1,728	1,871	1,728	92.36
3	Tiền lương bình quân	36	43	36	83.72
IV	**Qũy tiền lương NLĐ**				
1	Tổng số lao động bình quân	85	73	81	110.96
2	Qũy tiền lương	8,726	9,327	9,295	99.65
3	Tiền lương bình quân	8.555	10.647	9.563	89.81

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 6. Thông qua điều chỉnh dự án "Nâng cấp và mở rộng kho bãi" tại phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức (theo tờ trình số 14/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua việc điều chỉnh dự án "Nâng cấp và mở rộng kho bãi" tại phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức như sau:

Điều chỉnh khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 86/NQ-ĐHĐCĐ-2018 ngày 26/7/2018 về việc thông qua chủ trương đầu tư dự án "Nâng cấp và mở rộng kho bãi" tại phường Linh Xuân, quận Thủ Đức" như sau: Điều chỉnh giảm tổng quy mô dự án (với mức đầu tư từ 659,488 tỷ đồng xuống 367,490 tỷ đồng); điều chỉnh chức năng phân khu A làm bãi, phân khu B làm kho một tầng hình chữ I và bãi; điều chỉnh tiến độ giai đoạn phân khu B thực hiện trước, phân khu A thực hiện sau, chi tiết như đề nghị bên trên (Phương án đầu tư trước đó: Phân khu A và B đều làm kho hai tầng; Phân khu A thực hiện trước, phân khu B thực hiện sau). Khoản 2 Điều 9 được giữ nguyên và tiếp tục có hiệu lực thực hiện.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 7. Thông qua chủ trương đầu tư dự án mua lại phần vốn góp tại Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh (Theo tờ trình số 15/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua chủ trương đầu tư dự án mua lại phần vốn góp tại Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh như sau:

1. Thông qua chủ trương dự án mua lại toàn bộ phần vốn góp của hai đối tác Nhật Bản tại Công ty Liên doanh giao nhận kho vận Bình Minh.
2. Giao Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định việc mua lại phần vốn góp của đối tác Nhật Bản cũng như quyết định bố trí nguồn vốn phù hợp cho công việc này; Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Công ty triển khai và thực hiện các quy trình và thủ tục đầu tư vốn; đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tỉ lệ biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 8. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2019

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra, kiểm soát về công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2019.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 9. Thông qua lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2020

Đại hội thống nhất thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2020.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 10. Thông qua việc miễn nhiệm Kiểm soát viên BKS NK III (2016 – 2021) (theo tờ trình số 12/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua việc miễn nhiệm Kiểm soát viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kì III (2016 – 2021) như sau:

TT	Họ và tên	Nội dung	Tỉ lệ CP đồng ý
1	Bà Nguyễn Thùy Dương	Miễn nhiệm Kiểm soát viên Ban Kiểm soát từ ngày 19/06/2020	100%

Điều 11. Thông qua kết quả bầu cử thay thế Kiểm soát viên Ban Kiểm soát NK III (2016 – 2021) (theo tờ trình số 12/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

Đại hội thống nhất thông qua kết quả bầu cử thay thế Kiểm soát viên Ban Kiểm soát NK III (2016 – 2021) như sau:

TT	Họ và tên	Nội dung	Tỷ lệ CP đồng ý
1	Bà Dương Thị Kim Kiều	Bầu cử thay thế bà Nguyễn Thùy Dương kể từ ngày 19/06/2020	100%

Điều 12. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị Công ty và ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn (Theo tờ trình số 13/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020)

- Đại hội thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị Công ty và ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung tờ trình số 13/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020.
- Ủy quyền và tổ chức thực hiện: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được cập nhật các điểm sửa đổi, bổ sung và ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung tờ trình số 13/TTr-HĐQT-SSC ngày 09/06/2020.

Tỉ lệ cổ phần biểu quyết tán thành tại Đại hội đạt: 100%

Điều 13. Nghị quyết có hiệu lực

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 19/06/2020.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm công bố Nghị quyết trên website Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết.

Tất cả cổ đông Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 14;
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- Các đơn vị chức năng liên quan;
- HĐQT, Ban KS;
- Lưu: VT, HCQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH

Phan Thiện